BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ

6

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN NGỌC LIÊN (Tổng Chủ biên)
TRƯƠNG HỮU QUÝNH (Chủ biên)
ĐINH NGỌC BẢO - NGUYỄN SĨ QUẾ

LỊCH SỬ 6

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc **NGƯT NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS VŨ VĂN HÙNG**

Biên tập lần đầu : **NGUYỄN HỒNG LIÊN - LÊ ĐÌNH HÀ**
Biên tập tái bản : **LƯU HOA SƠN**
Biên vẽ lược đồ: **NGUYỄN NAM PHÓNG**
Biên tập mĩ thuật : **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Thiết kế sách : **PHAN THU HƯƠNG**
Trình bày và minh hoạ: **TẠ TRỌNG TRÍ**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

LỊCH SỬ 6
Mã số : 2H612T4
In ..... cuốn, khổ 17 x 24 cm.
In tại .....
Số in : ..... Số XB : 01-2014/CXB/205-1062/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2014

Mở đầu

Bài 1

SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ

1. Lịch sử là gì ?

Con người, cây cỏ, mọi vật xung quanh ta đều sinh ra, lớn lên và biến đổi. Xã hội loài người cũng vậy. Những gì mà các em thấy ngày hôm nay đều trải qua những thay đổi theo thời gian, nghĩa là đều có lịch sử.

Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. Lịch sử loài người mà chúng ta học là toàn bộ những hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến ngày nay.

Có gì khác nhau giữa lịch sử một con người và lịch sử xã hội loài người ?

Lịch sử còn có nghĩa là khoa học tìm hiểu và dựng lại toàn bộ những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

2. Học lịch sử để làm gì ?

Nhìn lớp học ở hình 1, em thấy khác với lớp học ở trường em như thế nào ? Em có hiểu vì sao có sự khác nhau đó không ?

Hình 1 - Một lớp học ở trường làng thời xưa

Mỗi con người, mỗi làng xóm, mỗi dãy phố..., cũng như mỗi dân tộc, đều trải qua những đổi thay theo thời gian mà chủ yếu do con người tạo nên.

Theo em, chúng ta có cần biết những đổi thay đó không ? Tại sao lại có những đổi thay đó ?

Học lịch sử để hiểu được cội nguồn của tổ tiên, ông cha, làng xóm, cội nguồn của dân tộc mình ; biết được tổ tiên, ông cha đã sống và lao động như thế nào để tạo nên đất nước ngày nay, từ đó biết quý trọng những gì mình đang có ; biết ơn những người đã làm ra nó, cũng như biết mình phải làm gì cho đất nước.

Em hãy lấy ví dụ trong cuộc sống của gia đình, quê hương em để thấy rõ sự cần thiết phải hiểu biết lịch sử.

Học lịch sử còn để biết những gì mà loài người làm nên trong quá khứ để xây dựng được xã hội văn minh ngày nay.

3. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử ?

Thời gian trôi qua, những dấu tích của con người vẫn được giữ lại dưới nhiều dạng khác nhau :

Hình 2 - Bia Tiến sĩ (Văn Miếu - Quốc Tử Giám)

- Những câu chuyện, những lời mô tả được truyền từ đời này qua đời khác ở rất nhiều dạng khác nhau, sử học gọi đó là *tư liệu truyền miệng*.

Thử kể những loại tư liệu truyền miệng mà em biết.

- Những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất, sử học gọi đó là *tư liệu hiện vật*.

- Những bản ghi, sách vở chép tay hay được in, khắc bằng chữ viết, gọi chung là *tư liệu chữ viết*.

Quan sát hình 1 và 2, theo em, đó là những loại tư liệu nào ?

Hình 1 và 2 giúp em hiểu thêm được điều gì ?

Nguồn tư liệu là gốc để giúp ta hiểu biết và dựng lại lịch sử.

CÂU HỎI

1. Trình bày một cách ngắn gọn lịch sử là gì ?
2. Lịch sử giúp em hiểu biết những gì ?
3. Tại sao chúng ta cần phải học lịch sử ?

DANH NGÔN

"Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống."

Xi-xê-rông
(Nhà chính trị Rô-ma cổ)

Bài 2

CÁCH TÍNH THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

1. Tại sao phải xác định thời gian ?

Lịch sử loài người bao gồm muôn vàn sự kiện, xảy ra vào những thời gian khác nhau. Con người, nhà cửa, làng mạc, phố xá, xe cộ ... đều ra đời, đổi thay. Xã hội loài người cũng vậy. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử, phải sắp xếp tất cả các sự kiện đó lại theo thứ tự thời gian.

Xem lại hình 1 và 2 của bài 1, em có thể nhận biết được trường làng hay tấm bia đá được dựng lên cách đây bao nhiêu năm ?

Như vậy, việc xác định thời gian là thực sự cần thiết.

Xác định thời gian xảy ra các sự kiện là một nguyên tắc cơ bản quan trọng trong việc tìm hiểu và học tập lịch sử.

Vậy, dựa vào đâu và bằng cách nào, con người sáng tạo ra được cách tính thời gian ?

Từ xưa, con người đã nghĩ đến chuyện ghi lại những việc mình làm, từ đó nghĩ ra cách tính thời gian. Họ đã nhận thấy nhiều hiện tượng tự nhiên lặp đi, lặp lại một cách thường xuyên, như hết sáng đến tối, hết mùa nóng đến mùa lạnh ... Những hiện tượng này có quan hệ chặt chẽ với hoạt động của Mặt Trời và Mặt Trăng. Cơ sở để xác định thời gian được bắt đầu từ đây.

2. Người xưa đã tính thời gian như thế nào ?

Dựa vào sự quan sát và tính toán, người xưa đã tính được thời gian mọc, lặn, di chuyển của Mặt Trời, Mặt Trăng và làm ra *lịch*.

NHỮNG NGÀY LỊCH SỬ VÀ KỈ NIỆM
(Theo thứ tự tháng âm lịch)

- Ngày 2-1 Mậu Tuất (7-2-1418)	:	Khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ngày 5-1 Kỉ Dậu (30-1-1789)	:	Chiến thắng Đống Đa, Quang Trung đại phá quân Thanh.
- Tháng 2 Canh Tí (3-40)	:	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- Ngày 8-3 Mậu Tí (9-4-1288)	:	Chiến thắng Bạch Đằng, Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên.
- Ngày 10-3	:	Giỗ tổ Hùng Vương.
- Ngày 20-9 Đinh Mùi (10-10-1427)	:	Chiến thắng Chi Lăng, Lê Lợi đại phá quân Minh.

Hãy xem trên bảng ghi "Những ngày lịch sử và kỉ niệm" có những đơn vị thời gian nào và có những loại lịch nào ?

Người xưa đã phân chia thời gian theo ngày, tháng, năm và sau đó chia thành giờ, phút...

Tuy nhiên, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, mỗi khu vực có cách làm lịch riêng. Nhìn chung có hai cách chính : theo sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất (âm lịch) và theo sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời (dương lịch).

3. Thế giới có cần một thứ lịch chung hay không ?

Xã hội loài người ngày càng phát triển. Sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc, các khu vực ngày càng mở rộng. Nhu cầu thống nhất cách tính thời gian được đặt ra.

Dựa vào các thành tựu khoa học, dương lịch được hoàn chỉnh để các dân tộc đều có thể sử dụng, đó là *Công lịch*. Công lịch lấy năm tương truyền Chúa Giê-xu (người sáng lập ra đạo Thiên Chúa) ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên (TCN).

Theo Công lịch, một năm có 12 tháng hay 365 ngày (năm nhuận thêm 1 ngày).

100 năm là 1 thế kỉ - 1000 năm là 1 thiên niên kỉ

- Cách ghi thứ tự thời gian như sau :

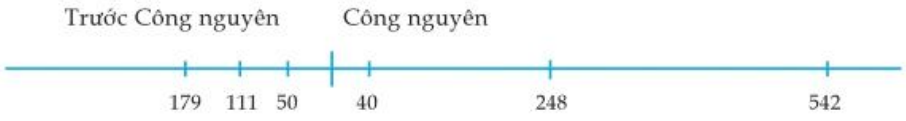

CÂU HỎI

1. Tính khoảng cách thời gian (theo thế kỉ và theo năm) của các sự kiện ghi trên bảng ở trang 6 so với năm nay.
2. Theo em, vì sao trên tờ lịch của chúng ta có ghi thêm ngày, tháng, năm âm lịch ?

Phần một

Khái quát lịch sử thế giới cổ đại

Bài 3

XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Lịch sử loài người cho chúng ta biết những sự việc diễn ra trong đời sống con người từ khi xuất hiện đến ngày nay.

1. Con người đã xuất hiện như thế nào ?

Cách đây hàng chục triệu năm, trên Trái Đất có loài vượn cổ sinh sống trong những khu rừng rậm. Trong quá trình tìm kiếm thức ăn, loài vượn này dần dần đã biết đi bằng hai chi sau, dùng hai chi trước để cầm nắm và biết sử dụng những hòn đá, cành cây... làm công cụ. Đó là *Người tối cổ* [1] (sớm nhất cách đây khoảng 3 - 4 triệu năm). Những hài cốt của Người tối cổ đã được tìm thấy ở nhiều nơi như : miền Đông châu Phi, trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), ở gần Bắc Kinh (Trung Quốc) v.v...

Hình 3 - Cuộc sống của người nguyên thuỷ

Hình 4 - Săn ngựa rừng

(1) Còn gọi là *Người vượn.*

Người tối cổ sống theo bầy gồm khoảng vài chục người. Ban ngày, họ hái lượm hoa quả và săn bắt thú để ăn ; ban đêm họ ngủ trong các hang động, dưới mái đá hoặc trong những túp lều làm bằng cành cây, lợp lá hoặc cỏ khô. Họ biết ghè đẽo đá, làm công cụ ; biết dùng lửa để sưởi ấm, nướng thức ăn và xua đuổi thú dữ. Cuộc sống bấp bênh "ăn lông, ở lỗ" như thế kéo dài hàng triệu năm.

2. Người tinh khôn sống thế nào ?

Trải qua hàng triệu năm, Người tối cổ dần dần trở thành *Người tinh khôn*. Những bộ xương của Người tinh khôn có niên đại sớm nhất vào khoảng 4 vạn năm trước đây, đã tìm được ở hầu khắp các châu lục.

Xem hình 5, em thấy Người tinh khôn khác Người tối cổ ở những điểm nào ?

Người tinh khôn không sống theo bầy mà theo từng nhóm nhỏ, gồm vài chục gia đình, có họ hàng gần gũi với nhau, gọi là *thị tộc*. Những người cùng thị tộc đều làm chung, ăn chung, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi công việc. Trong quá trình sinh sống, Người tinh khôn đã biết trồng rau, trồng lúa, biết chăn nuôi gia súc, làm đồ gốm, dệt vải từ sợi vỏ cây, biết làm đồ trang sức như vòng tay, vòng cổ. Con người không chỉ kiếm được thức ăn nhiều hơn mà còn sống tốt hơn, vui hơn.

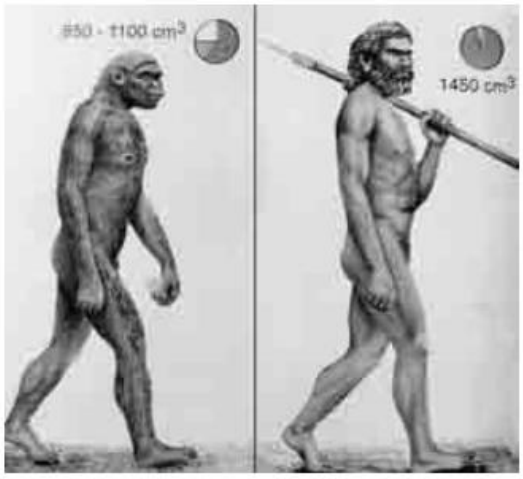

Hình 5 - Người tối cổ và Người tinh khôn

3. Vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã ?

Cuộc sống của Người tinh khôn ở buổi ban đầu tuy có khá hơn so với Người tối cổ song họ cũng chỉ mới biết dùng đá để chế tạo *công cụ lao động*. Công cụ đá, dù được cải tiến không ngừng, không thể đem lại năng suất lao động cao được. Mãi đến khoảng thiên niên kỉ thứ IV TCN, con người mới phát hiện ra kim loại và dùng kim loại để chế tạo công cụ.

Hình 6 - Đồ đựng bằng gốm (khoảng 3000 năm TCN)

Nhờ công cụ bằng kim loại, con người có thể khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, có thể xẻ gỗ đóng thuyền, xẻ đá làm nhà. Người ta có thể làm ra một lượng sản phẩm không chỉ đủ nuôi sống mình mà còn dư thừa. Một số người, do có khả năng lao động hoặc do chiếm đoạt một phần của cải dư thừa của người khác, đã ngày càng trở nên giàu có. Những người trong thị tộc giờ đây không thể cùng làm chung, hưởng chung. Xã hội nguyên thuỷ dần dần tan rã, nhường chỗ cho xã hội có giai cấp.

Hình 7 - Công cụ, đồ dùng và đồ trang sức bằng đồng

CÂU HỎI

1. Bầy người nguyên thuỷ sống như thế nào ?
2. Đời sống của Người tinh khôn có những điểm nào tiến bộ hơn so với Người tối cổ ?
3. Công cụ bằng kim loại đã có tác dụng như thế nào ?

Bài 4

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

1. Các quốc gia cổ đại phương Đông đã được hình thành ở đâu và từ bao giờ ?

Vào cuối thời nguyên thuỷ, cư dân ở lưu vực những dòng sông lớn như sông Nin ở Ai Cập, Ơ-phơ-rat và Ti-gơ-rơ ở Lưỡng Hà, sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ, Hoàng Hà và Trường Giang ở Trung Quốc... ngày càng đông. Đất ven sông vừa màu mỡ, vừa dễ trồng trọt. Nghề nông trồng lúa ngày càng phát triển và trở thành ngành kinh tế chính. Người ta cũng biết làm *thuỷ lợi*(1), đắp đê ngăn lũ, đào kênh, máng dẫn nước vào ruộng. Nhờ thế, con người có thể thu hoạch lúa ổn định hằng năm. Lúa gạo ngày càng nhiều. Trong xã hội bắt đầu xuất hiện kẻ giàu, người nghèo. Nhà nước ra đời. Từ cuối thiên niên kỉ IV đến đầu thiên niên kỉ III TCN, những quốc gia cổ đại phương Đông đầu tiên đã hình thành ở Ai Cập, vùng Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc ngày nay. Đây là những quốc gia xuất hiện sớm nhất trong lịch sử loài người.

Em hãy miêu tả cảnh làm ruộng của người Ai Cập qua hình 8.

Hình 8 - Tranh khắc trên tường đá một lăng mộ ở Ai Cập thế kỉ XIV TCN

(1) *Thuỷ lợi :* những công trình ngăn nước, dẫn nước, tưới tiêu cho đồng ruộng.

2. Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào ?

Ở các nước phương Đông, cư dân chủ yếu làm nghề nông. Vì vậy, bộ phận đông đảo nhất và có vai trò to lớn trong sản xuất là *nông dân*. Họ nhận ruộng đất ở *công xã*[1] để cày cấy và phải nộp một phần thu hoạch và *lao dịch*[2] không công cho bọn *quý tộc*[3].

Quý tộc, quan lại là tầng lớp có nhiều của cải và quyền thế. Đứng đầu tầng lớp này là một ông vua nắm mọi quyền hành.

Nhà vua và các quý tộc đều có nhiều người hầu hạ phục dịch, gọi chung là *nô lệ*. Thân phận của nô lệ không khác gì con vật. Những người nô lệ và dân nghèo đã nhiều lần nổi dậy. Năm 2300 TCN, một vụ bạo động bùng nổ ở La-gát (Lưỡng Hà). Năm 1750 TCN, nô lệ và dân nghèo ở Ai Cập đã nổi dậy, cướp phá, đốt cháy cung điện.

Hình 9 - Bia đá khắc Luật Ham-mu-ra-bi (Lưỡng Hà)

Ở Lưỡng Hà, vua Ham-mu-ra-bi đã ban hành một bộ luật, được khắc trên đá.

- Phần trên của bia đá khắc hình Thần Sa-mát[4] *đang trao bộ luật cho vua Ham-mu-ra-bi.*

- Phần dưới của bia đá khắc phần đầu của bộ luật.

Điều 42 : *Dân tự do thuê ruộng cày, nếu ruộng không có thóc thì người này bị coi là chưa hết sức chăm bón, phải lấy người bên cạnh làm tiêu chuẩn để nộp thóc cho chủ ruộng.*

---

(1) *Công xã* : khu vực có người sinh sống với nhau như làng, xã ngày nay.
(2) *Lao dịch* : lao động nặng nhọc, bắt buộc và không được trả công theo chế độ của nhà nước hay lệnh của chúa đất.
(3) *Quý tộc* : lớp người giàu có và quyền thế nhất trong giai cấp thống trị thời cổ đại và phong kiến.
(4) *Sa-mát* : vị thần Mặt Trời của Ba-bi-lon cổ.

Điều 43 : *Nếu không cày cấy mà bỏ ruộng hoang thì người này phải căn cứ theo người bên cạnh để nộp thóc cho chủ ruộng và còn phải cày bừa ruộng đã bỏ hoang cho bằng phẳng rồi trả lại cho chủ ruộng.*

(*Trích* Luật Ham-mu-ra-bi)

Qua hai điều luật trên, theo em, người cày thuê ruộng phải làm việc như thế nào ?

3. Nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông

Để cai trị đất nước, tầng lớp quý tộc đã lập ra bộ máy nhà nước do vua đứng đầu. Vua có quyền cao nhất trong mọi công việc - từ việc đặt ra luật pháp, chỉ huy quân đội, đến việc xét xử những người có tội. Vua còn được coi là người đại diện của thần thánh ở dưới trần gian. Ở Trung Quốc, vua được gọi là *Thiên tử* (con trời), ở Ai Cập là *Pha-ra-ôn* (ngôi nhà lớn), còn ở Lưỡng Hà thì gọi là *En-si* (người đứng đầu).

Giúp việc cho vua là bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương gồm toàn quý tộc. Họ lo việc thu thuế, xây dựng cung điện, đền tháp và chỉ huy quân đội.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu tên các quốc gia cổ đại phương Đông.
2. Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào ?
3. Ở các nước phương Đông, nhà vua có những quyền hành gì ?

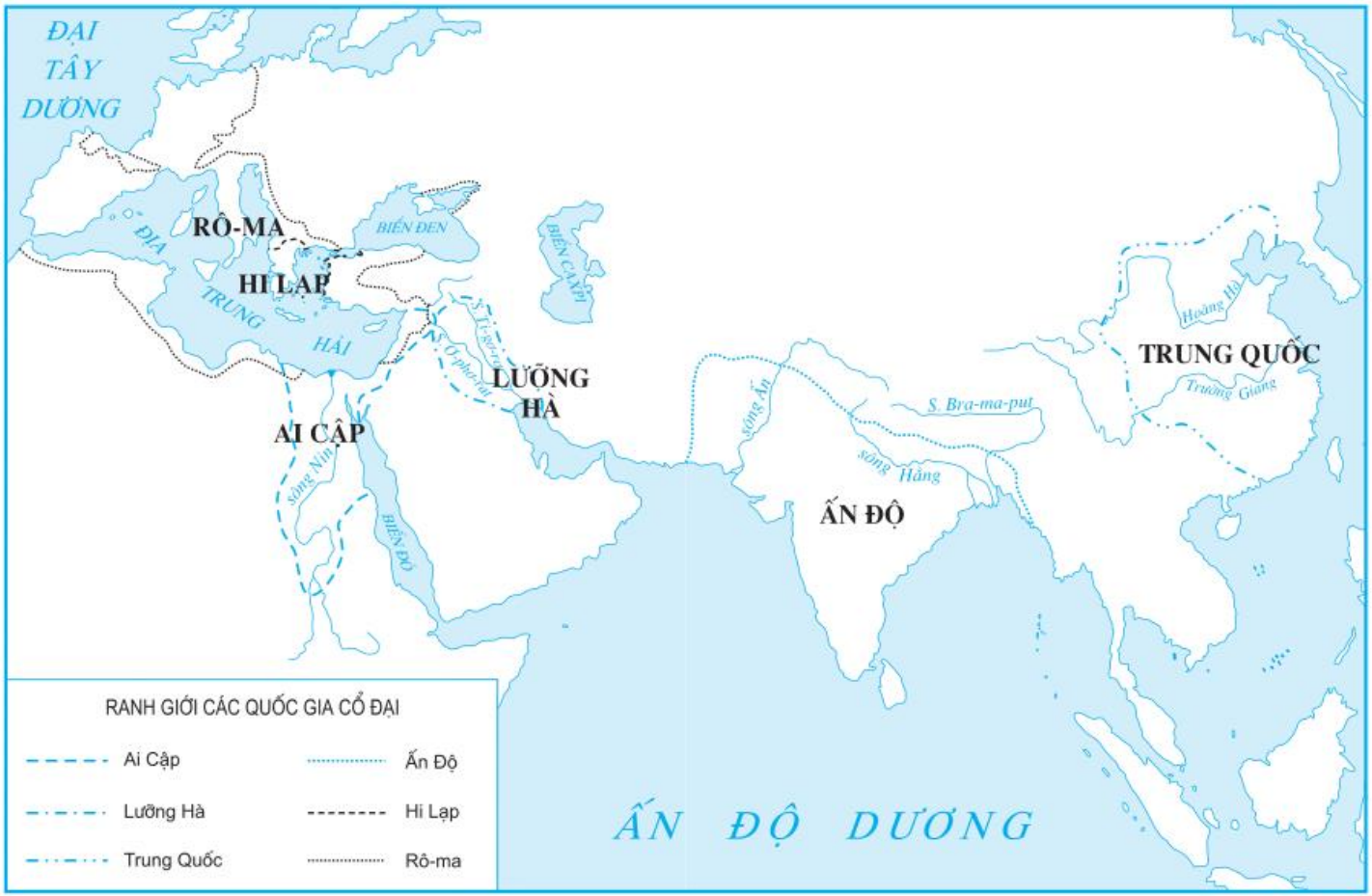

Hình 10 - Lược đồ : Các quốc gia cổ đại

Bài 5

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY

1. Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây

Nhìn trên bản đồ thế giới, ta sẽ thấy ở miền Nam Âu có hai bán đảo nhỏ vươn dài ra Địa Trung Hải. Đó là các bán đảo Ban Căng và I-ta-li-a. Nơi đây, vào khoảng đầu thiên niên kỉ I TCN, đã hình thành hai quốc gia Hi Lạp và Rô-ma.

Đất đai ở đây không thuận lợi cho việc trồng lúa. Cư dân ở Hi Lạp và Rô-ma phải trồng thêm các loại cây lưu niên như nho, ô liu. Nhờ có công cụ sắt, các nghề thủ công như luyện kim, làm đồ mĩ nghệ, đồ gốm, nấu rượu nho, làm dầu ô liu ... phát triển. Bờ biển Hi Lạp và Rô-ma có nhiều cảng tốt ; thương nghiệp, nhất là *ngoại thương*(1), rất phát triển. Người Hi Lạp và Rô-ma mang các sản phẩm thủ công và rượu nho, dầu ô liu sang tận Lưỡng Hà, Ai Cập bán rồi mua về lúa mì và súc vật.

2. Xã hội cổ đại Hi Lạp, Rô-ma gồm những giai cấp nào ?

Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp đã dẫn tới sự hình thành một số chủ xưởng, chủ lò, chủ các thuyền buôn rất giàu và có thế lực về chính trị. Họ nuôi nhiều nô lệ để làm việc trong các xưởng. Họ là *chủ nô,* sống rất sung sướng. Số nô lệ ở Hi Lạp và Rô-ma rất đông. Nô lệ phải làm việc cực nhọc ở các trang trại, trong các xưởng thủ công, khuân vác hàng hoá hoặc chèo thuyền. Mọi của cải do họ làm ra đều thuộc về chủ nô. Bản thân nô lệ cũng là tài sản của chủ. Chủ nô thường gọi nô lệ là "những công cụ biết nói".

Nô lệ thường bị chủ nô đối xử rất tàn bạo như đánh đập, đóng dấu trên cánh tay hay trên trán. Chính vì thế, họ đã không ngừng chống lại chủ nô bằng nhiều hình thức khác nhau như bỏ trốn, phá hoại sản xuất hay khởi nghĩa vũ trang. Điển hình là cuộc khởi nghĩa của nô lệ do Xpac-ta-cút lãnh đạo, nổ ra vào các năm 73 - 71 TCN ở Rô-ma, đã làm cho giới chủ nô phải kinh hoàng.

3. Chế độ chiếm hữu nô lệ

Ở Hi Lạp và Rô-ma, số nô lệ nhiều gấp hàng chục lần số chủ nô. Nô lệ là lực lượng lao động chính trong xã hội. Mọi của cải đều nhờ sức lao động của nô lệ mà

---

(1) *Ngoại thương :* buôn bán với người nước ngoài.

có : từ việc sản xuất lúa gạo ở các trang trại đến việc làm ra các sản phẩm thủ công như giày dép, quần áo v.v... Họ cũng là những người phục vụ trong các gia đình quý tộc, quan lại như những con hầu, đầy tớ. Chủ nô nắm mọi quyền hành chính trị. Nhà nước gồm nhiều bộ phận do dân tự do hay quý tộc bầu ra và làm việc theo thời hạn, giải quyết mọi việc trong nước và các cuộc chiến tranh. Chủ nô không bao giờ phải lao động chân tay, chỉ làm chính trị hoặc hoạt động văn hoá, nghệ thuật vì họ coi lao động chân tay là công việc dành riêng cho nô lệ. Họ sống sung sướng, nhàn hạ dựa trên sự bóc lột sức lao động của nô lệ.

Như thế, ở Hi Lạp và Rô-ma cổ đại đã hình thành hai giai cấp cơ bản là *nô lệ* và *chủ nô*. Xã hội đó gọi là xã hội chiếm hữu nô lệ.

CÂU HỎI

1. Các quốc gia cổ đại phương Tây đã được hình thành ở đâu và từ bao giờ ?
2. Em hiểu thế nào là xã hội chiếm hữu nô lệ ?

Bài 6

VĂN HOÁ CỔ ĐẠI

Thời cổ đại, khi nhà nước được hình thành, loài người bước vào xã hội văn minh. Trong buổi bình minh của lịch sử, các dân tộc phương Đông và phương Tây đã sáng tạo nên nhiều thành tựu văn hoá rực rỡ mà ngày nay chúng ta vẫn đang được thừa hưởng.

1. Các dân tộc phương Đông thời cổ đại đã có những thành tựu văn hoá gì ?

Để cày cấy cho đúng thời vụ, những người nông dân luôn phải "trông trời, trông đất". Dần dần, họ biết được sự chuyển động của Mặt Trời, Mặt Trăng và các hành tinh đã ảnh hưởng tới việc "mưa thuận, gió hoà" hằng năm. Đó là những tri thức đầu tiên về thiên văn. Cũng từ những hiểu biết đó, người phương Đông đã sáng tạo ra lịch, chia một năm ra 12 tháng, mỗi tháng có khoảng 29 đến 30 ngày. Họ còn biết làm đồng hồ đo thời gian.

Người phương Đông cổ đại đều dùng *chữ tượng hình*(1) mô phỏng vật thật để nói lên ý nghĩ của con người. Những chữ này được viết trên giấy Pa-pi-rút,

(1) *Chữ tượng hình* : dùng hình giản lược của một vật để làm chữ gọi vật đó hoặc dùng một số đường nét làm chữ để thể hiện một ý nào đó.

Hình 11 - Chữ tượng hình Ai Cập (khắc trên tường lăng mộ vua Ram-xét VI)

Hình 12 - Kim tự tháp Ai Cập

trên mai rùa, trên thẻ tre hoặc trên các phiến đất sét ướt rồi đem nung khô.

Trong lĩnh vực toán học, người Ai Cập cổ đại đã nghĩ ra phép đếm đến 10 và rất giỏi về hình học. Họ đã tính được số pi bằng 3,16. Còn người Lưỡng Hà lại giỏi về số học. Các chữ số ta đang dùng ngày nay, kể cả số 0, là thành tựu lớn do người Ấn Độ cổ xưa sáng tạo nên.

Các dân tộc phương Đông đã xây dựng nên những công trình kiến trúc đồ sộ. Những kim tự tháp cổ ở Ai Cập, thành Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà... mãi mãi là những kì quan để cả thế giới chiêm ngưỡng và thán phục.

Hình 13 - Thành Ba-bi-lon với cổng đền I-sơ-ta

2. Người Hi Lạp và Rô-ma đã có những đóng góp gì về văn hoá ?

Người Hi Lạp và Rô-ma đã biết làm lịch dựa theo sự di chuyển của Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Họ tính được một năm có 365 ngày 6 giờ, chia thành 12 tháng. Đó là *Dương lịch.*

Người Hi Lạp và Rô-ma đã sáng tạo ra hệ chữ cái a,b,c, ban đầu gồm 20 chữ, sau là 26 chữ mà ngày nay chúng ta vẫn đang dùng.

Những hiểu biết của người Hi Lạp và Rô-ma cũng đạt tới một trình độ khá cao trong nhiều lĩnh vực khoa học như số học, hình học, thiên văn, vật lí, triết học, sử học, địa lí v.v... Trong mỗi lĩnh vực đều có những nhà khoa học nổi danh, như Ta-lét, Pi-ta-go, Ơ-cơ-lít trong toán học, Ác-si-mét trong vật lí học, Pla-tôn, A-ri-xtốt trong triết học, Hê-rô-đốt, Tu-xi-đít trong sử học, Stơ-ra-bôn trong địa lí v.v... Họ là những người đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học sau này.

Nền văn học Hi Lạp được cả thế giới biết đến với những bộ sử thi nổi tiếng *I-li-at, Ô-đi-xê* của Hô-me, những vở kịch thơ độc đáo *Ô-re-xti* của Et-sin, *Ơ-đíp làm vua* của Xô-phô-clơ v.v...

Trên đất nước Hi Lạp và Rô-ma ngày nay còn bảo tồn nhiều di tích kiến trúc và điêu khắc của thời cổ đại, như đền Pác-tê-nông trên đồi A-crô-pôn ở A-ten, đấu trường Cô-li-dê ở Rô-ma, tượng lực sĩ ném đĩa, tượng thần Vệ nữ ở Mi-lô... Đó là những kiệt tác khiến người đời sau vô cùng thán phục.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu những thành tựu văn hoá lớn của các quốc gia phương Đông cổ đại.
2. Người Hi Lạp và Rô-ma đã có những thành tựu văn hoá gì ?
3. Theo em, những thành tựu văn hoá nào của thời cổ đại còn được sử dụng đến ngày nay ?

Hình 14 - Bình gốm Hi Lạp

Hình 15 - Đền Pác-tê-nông (Hi Lạp)

Hình 16 - Khải hoàn môn ở kinh thành Rô-ma

Hình 17 - Tượng lực sĩ ném đĩa

Bài 7

ÔN TẬP

Phần một của chương trình Lịch sử lớp 6 đã trình bày những nét cơ bản của lịch sử loài người từ khi xuất hiện đến cuối thời cổ đại. Chúng ta đã học và biết loài người đã lao động và biến chuyển như thế nào để dần dần đưa xã hội tiến lên và xây dựng những quốc gia đầu tiên trên thế giới, đồng thời đã sáng tạo nên những thành tựu văn hoá quý giá để lại cho đời sau.

Hãy điểm lại :

1. Những dấu vết của Người tối cổ (Người vượn) được phát hiện ở đâu ?

2. Những điểm khác nhau giữa Người tinh khôn và Người tối cổ thời nguyên thuỷ :

- Về con người
- Về công cụ sản xuất
- Về tổ chức xã hội

3. Thời cổ đại có những quốc gia lớn nào ?

4. Các tầng lớp xã hội chính ở thời cổ đại.

5. Các loại nhà nước thời cổ đại.

6. Những thành tựu văn hoá của thời cổ đại :

- Về chữ viết, chữ số
- Về các khoa học
- Về các công trình nghệ thuật

7. Thử đánh giá các thành tựu văn hoá lớn của thời cổ đại.

Phần hai

Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X

Chương I

BUỔI ĐẦU LỊCH SỬ NƯỚC TA

Bài 8

THỜI NGUYÊN THUỶ TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

1. Những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở đâu ?

Thời xa xưa, nước ta là một vùng rừng núi rậm rạp với nhiều hang động, mái đá, nhiều sông suối, có vùng ven biển dài ; khí hậu hai mùa nóng - lạnh rõ rệt, thuận lợi cho cuộc sống của cỏ cây, muông thú và con người.

Vào những năm 1960 - 1965, các nhà khảo cổ học đã lần lượt phát hiện được hàng loạt di tích của Người tối cổ.

Hình 18 - Răng của Người tối cổ ở hang Thẩm Hai (Lạng Sơn)

Hình 19 - Rìu đá núi Đọ (Thanh Hoá)

Người tối cổ là những người như thế nào ?

Ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), trong lớp đất chứa nhiều than, xương động vật cổ cách đây 40 - 30 vạn năm, người ta phát hiện được những chiếc răng của Người tối cổ. Ở một số nơi khác như núi Đọ, Quan Yên (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai)..., người ta phát hiện được nhiều công cụ đá ghè đẽo thô sơ dùng để chặt, đập ; nhiều mảnh đá ghè mỏng... ở nhiều chỗ.

Nhìn trên lược đồ ở trang 26, em có nhận xét gì về địa điểm sinh sống của Người tối cổ trên đất nước ta ?

2. Ở giai đoạn đầu, Người tinh khôn sống như thế nào ?

Trải qua hàng chục vạn năm lao động, những Người tối cổ đã mở rộng dần vùng sinh sống ra nhiều nơi như : Thẩm Ồm (Nghệ An), Hang Hùm (Yên Bái), Thung Lang (Ninh Bình), Kéo Lèng (Lạng Sơn).

Họ cải tiến dần việc chế tác công cụ đá, làm tăng thêm nguồn thức ăn. Vào khoảng 3 - 2 vạn năm trước đây, họ chuyển thành Người tinh khôn. Dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy ở mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ) và nhiều nơi khác thuộc Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An. Công cụ chủ yếu của họ là những chiếc rìu bằng hòn cuội, được ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng.

Hình 20 - Công cụ chặt ở Nậm Tun (Lai Châu)

Em thử so sánh công cụ ở hình 19 và hình 20.

3. Giai đoạn phát triển của Người tinh khôn có gì mới ?

Công cụ sản xuất được cải tiến với việc dùng nhiều loại đá khác nhau. Hàng loạt hang động, mái đá có dấu vết sinh sống của người nguyên thuỷ được tìm thấy ở Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Quỳnh Văn (Nghệ An), Hạ Long (Quảng Ninh), Bàu Tró (Quảng Bình). Ở đó, Người tinh khôn nguyên thuỷ

thời này sống cách đây từ 12.000 đến 4.000 năm. Trong chế tác công cụ đá, họ đã biết mài ở lưỡi cho sắc. Số công cụ đá được mài ở lưỡi như rìu ngắn, rìu có vai ngày càng nhiều. Ngoài ra, họ vẫn dùng rìu đá cuội, một số công cụ bằng xương, bằng sừng. Ở các địa điểm thuộc Bắc Sơn, Quỳnh Văn, Hạ Long, người ta còn tìm thấy đồ gốm và lưỡi cuốc đá.

So sánh công cụ ở hình 20 với các công cụ ở hình 21, 22, 23.

Hình 21 - Rìu đá Hoà Bình

Hình 22 - Rìu đá Bắc Sơn

Hình 23 - Rìu đá Hạ Long

Những cố gắng và sáng tạo trong chế tác công cụ vừa tạo điều kiện mở rộng sản xuất, vừa nâng cao dần cuộc sống.

CÂU HỎI

1. Em hãy lập bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của thời nguyên thuỷ ở nước ta theo mẫu : thời gian, địa điểm chính, công cụ.
2. Giải thích sự tiến bộ của rìu mài lưỡi so với rìu ghè đẽo.

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Hồ Chí Minh

Hình 24 - Lược đồ : Một số di chỉ khảo cổ ở Việt Nam

Bài 9

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI NGUYÊN THUỶ TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

1. Đời sống vật chất

Trong quá trình sinh sống, người nguyên thuỷ thời Sơn Vi - Hoà Bình - Bắc Sơn - Hạ Long thường xuyên tìm cách cải tiến công cụ lao động. Nguyên liệu chủ yếu là đá. Ban đầu, người thời Sơn Vi chỉ biết ghè đẽo các hòn cuội ven suối làm rìu, nhưng đến thời Hoà Bình - Bắc Sơn - Hạ Long, họ đã biết mài đá, dùng nhiều loại đá khác nhau để làm công cụ các loại như rìu, bôn[1], chày. Họ còn biết dùng tre, gỗ, xương, sừng làm công cụ và đồ dùng cần thiết, sau đó biết làm đồ gốm.

Hình 25 - Các loại rìu đá thuộc văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn

(1) *Bôn :* rìu đá được mài vát một bên, có chuôi tra cán.

Việc làm đồ gốm có gì khác so với việc làm công cụ bằng đá ?

Những điểm mới về công cụ sản xuất của thời Hoà Bình - Bắc Sơn - Hạ Long là gì ?

Người nguyên thuỷ đã biết trồng trọt và chăn nuôi. Nguồn thức ăn ngày càng tăng lên. Ngoài cây củ kiếm được, họ còn trồng rau, đậu, bí, bầu... Ngoài thú rừng săn được, họ còn nuôi thêm chó, lợn.

Ý nghĩa của việc trồng trọt và chăn nuôi ?

Người nguyên thuỷ sống chủ yếu ở các hang động, mái đá. Họ cũng biết làm các túp lều lợp bằng cỏ hoặc lá cây.

2. Tổ chức xã hội

Người nguyên thuỷ đã biết sống thành từng nhóm ở những vùng thuận tiện. Trong nhiều hang động ở Hoà Bình - Bắc Sơn, người ta đã phát hiện được những lớp vỏ ốc dày 3 - 4m, chứa nhiều công cụ, xương thú. Điều đó cho thấy : người nguyên thuỷ thường định cư lâu dài ở một nơi. Số người tăng lên, bao gồm già, trẻ, trai, gái. Quan hệ xã hội hình thành. Những người cùng *huyết thống*(1) sống chung với nhau và tôn người mẹ lớn tuổi, có uy tín lên làm chủ. Đó là chế độ *thị tộc mẫu hệ*.

Hàng ngàn năm trôi qua, nhiều thị tộc có quan hệ với nhau và sống hoà hợp trên một vùng đất chung.

3. Đời sống tinh thần

Người nguyên thuỷ thời Hoà Bình - Bắc Sơn - Hạ Long không chỉ biết lao động mà còn làm nhiều đồ trang sức. Những vỏ ốc được xuyên lỗ, những vòng tay đá, những hạt chuỗi bằng đất nung ... được tìm thấy trong các *di chỉ* (2) khảo cổ đã khẳng định điều đó.

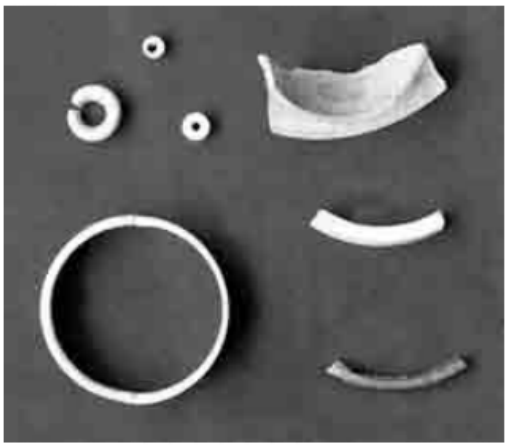

Hình 26 - Vòng tay, khuyên tai đá

(1) *Huyết thống :* có cùng dòng máu, họ hàng.
(2) *Di chỉ :* nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa.

Theo em, sự xuất hiện của những đồ trang sức trong các di chỉ nói trên có ý nghĩa gì ?

Người nguyên thuỷ đã biết vẽ trên vách hang động những hình mô tả cuộc sống tinh thần của mình. Trong quan hệ thị tộc, tình mẹ con, anh em ngày càng gắn bó. Trong nhiều hang động ở Bắc Sơn, nhiều địa điểm ở Quỳnh Văn, Hạ Long, người ta phát hiện được những bộ xương người được chôn cất, thậm chí như ở Quỳnh Văn, bên cạnh xương người chết, còn có một, hai lưỡi cuốc đá được chôn cất theo.

Cuộc sống của người nguyên thuỷ ở Bắc Sơn - Hạ Long đã phát triển khá cao về tất cả các mặt.

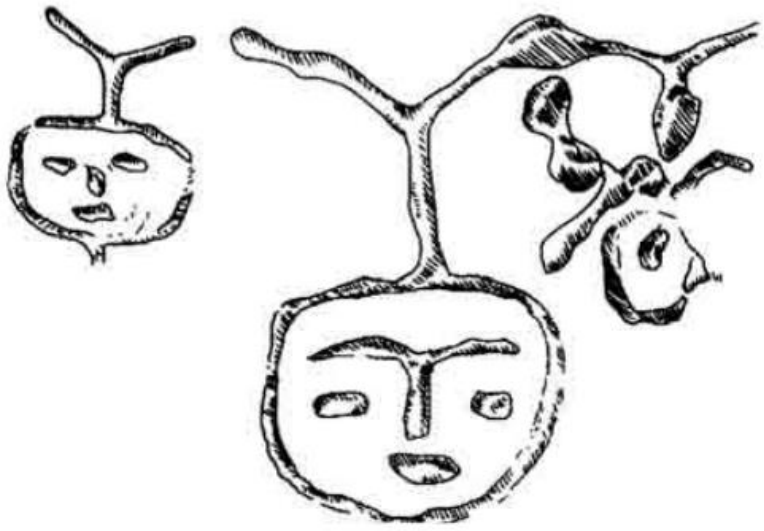

Hình 27 - Hình mặt người khắc trên vách hang Đồng Nội (Hoà Bình)

CÂU HỎI

1. Những điểm mới trong đời sống vật chất và xã hội của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình - Bắc Sơn - Hạ Long là gì ?
2. Những điểm mới trong đời sống tinh thần của người nguyên thuỷ là gì ? Em có suy nghĩ gì về việc chôn công cụ sản xuất theo người chết ?

Chương II

THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC : VĂN LANG - ÂU LẠC

Bài 10

NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ

1. Công cụ sản xuất được cải tiến như thế nào ?

Những người nguyên thuỷ trên đất nước ta tiếp tục mở rộng vùng cư trú. Một số đã dừng lại ở các vùng chân núi, thung lũng ven khe, suối..., một số khác thì chuyển xuống các vùng đất bãi ven sông, dựng chòi, cuốc đất trồng trọt, làm chuồng nuôi lợn, gà, chó... Các nhà khảo cổ đã phát hiện được rất nhiều địa điểm chứa đựng những lưỡi rìu đá có vai được mài rộng ra hai mặt, những lưỡi đục, những bàn mài và những mảnh cưa đá. Số công cụ bằng xương, sừng cũng nhiều hơn. Bên cạnh đó, họ còn tìm thấy nhiều loại hình đồ gốm

Hình 28 - Rìu đá Hoa Lộc

Hình 29 - Rìu đá Phùng Nguyên

như bình, vò, nồi cùng nhiều hạt chuỗi đá, vỏ ốc... Người nguyên thuỷ cũng đã biết làm chì lưới bằng đất nung để đánh cá.

Trong một số di chỉ như Phùng Nguyên (Phú Thọ), Hoa Lộc (Thanh Hoá), Lung Leng (Kon Tum) có niên đại cách đây 4.000 - 3.500 năm, các nhà khảo cổ đã phát hiện được hàng loạt công cụ : những rìu đá, bôn đá được mài nhẵn toàn bộ, có hình dáng cân xứng. Họ còn tìm thấy những đồ trang sức, những loại đồ gốm khác nhau như bình, vò, vại, bát đĩa, cốc có chân cao... Những mảnh gốm thường in *hoa văn*(1) hình chữ S nối nhau, đối xứng hoặc in những con dấu nổi, liền nhau với những đường cuộn theo hình tròn hay hình chữ nhật, những đường chấm nhỏ li ti chạy dài trên một nền phẳng.

Em có nhận xét gì về trình độ sản xuất công cụ của người thời đó ?

Hình 30 - Hoa văn trên đồ gốm Hoa Lộc

2. Thuật luyện kim đã được phát minh như thế nào ?

Cuộc sống của người nguyên thuỷ ngày càng ổn định hơn. Dần dần đã xuất hiện những làng bản đông dân ở các vùng ven sông, đặc biệt là ven các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Cả, sông Đồng Nai ..., gồm nhiều gia đình thuộc nhiều thị tộc khác nhau. Cuộc sống *định cư* (2) lâu dài đòi hỏi con người lúc đó phải cải tiến hơn nữa các công cụ sản xuất và đồ dùng hằng ngày.

---

(1) *Hoa văn :* hình vẽ hay in trên đồ vật, công cụ.

(2) *Định cư :* sinh sống lâu dài ở một nơi nhất định.

Nhờ sự phát triển của nghề làm đồ gốm, người Phùng Nguyên, Hoa Lộc đã phát minh ra thuật luyện kim.

Kim loại được dùng đầu tiên là đồng.

Ở Phùng Nguyên, Hoa Lộc và các di chỉ khác cùng thời trên khắp nước ta, người ta đã phát hiện được nhiều cục đồng, xỉ đồng, dây đồng, dùi đồng. Thuật luyện kim đã được phát minh.

Theo em, phát minh này có ý nghĩa như thế nào ?

3. Nghề nông trồng lúa nước ra đời ở đâu và trong điều kiện nào ?

Theo các nhà khoa học, nước ta là một trong những quê hương của cây lúa hoang. Với nghề nông vốn có và với hàng loạt công cụ sản xuất được cải tiến, những người nguyên thuỷ sống định cư lâu dài ở vùng đồng bằng ven sông, ven biển. Họ đã trồng được nhiều loại cây, củ và đặc biệt là cây lúa. Việc phát hiện hàng loạt lưỡi cuốc đá được mài nhẵn toàn bộ ở các di chỉ Hoa Lộc, Phùng Nguyên... đã chứng tỏ điều đó. Người ta còn tìm thấy ở đây gạo cháy, dấu vết thóc lúa bên cạnh các bình, vò đất nung lớn. Nghề nông trồng lúa đã ra đời. Trên các vùng cư trú rộng lớn ở đồng bằng ven sông, ven biển, cây lúa nước dần dần trở thành cây lương thực chính của con người. Cây lúa cũng được trồng ở vùng thung lũng, ven suối.

Việc trồng các loại rau, đậu, bầu, bí... và việc chăn nuôi gia súc, đánh cá... cũng ngày càng phát triển. Cuộc sống của con người được ổn định hơn và vùng đồng bằng màu mỡ của các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Cửu Long ... dần dần trở thành nơi sinh sống lâu dài của con người ở đây.

Theo em hiểu, vì sao từ đây con người có thể định cư lâu dài ở đồng bằng ven các sông lớn ?

CÂU HỎI

1. Hãy điểm lại những nét mới về công cụ sản xuất và ý nghĩa của việc phát minh ra thuật luyện kim.
2. Theo em, sự ra đời của nghề nông trồng lúa nước có tầm quan trọng như thế nào ?
3. Hãy trình bày sự đổi thay trong đời sống kinh tế của con người thời kì này so với người thời Hoà Bình - Bắc Sơn.

Bài 11

NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ XÃ HỘI

1. Sự phân công lao động đã được hình thành như thế nào ?

Em có nhận xét gì về việc đúc một đồ dùng bằng đồng hay làm một bình bằng đất nung, so với việc làm một công cụ đá ?

Không phải ai cũng biết được thuật luyện kim và tự mình đúc được một công cụ bằng đồng. Sản xuất nông nghiệp lúa nước ngày càng phát triển, đòi hỏi con người phải chuyên tâm lo việc cuốc cày, làm đất, gieo hạt, chăm bón... Số người làm nông nghiệp tăng lên ; hơn nữa, để có người làm việc ngoài đồng, phải có người ở nhà lo việc ăn uống. Sự phân công lao động trở thành cần thiết. Phụ nữ, ngoài việc nhà, thường tham gia sản xuất nông nghiệp và làm đồ gốm, dệt vải. Nam giới, một phần làm nông nghiệp, đi săn bắt, đánh cá ; một phần chuyên hơn, thì phụ trách việc chế tác công cụ, bao gồm cả việc đúc đồng, làm đồ trang sức, về sau được gọi chung là các nghề thủ công.

2. Xã hội có gì đổi mới ?

Sản xuất ngày càng phát triển đã giúp cho cuộc sống của con người ngày càng ổn định. Trên các đồng bằng ven sông lớn ở mạn Bắc cũng như mạn Nam, hình thành hàng loạt làng bản, bấy giờ được gọi là chiềng, chạ. Các làng bản ở vùng cao cũng nhiều hơn trước, do con người đã định cư lâu dài. Dần dần hình thành các cụm chiềng, chạ hay làng bản có quan hệ chặt chẽ với nhau, được gọi là *bộ lạc*.

Vị trí của người đàn ông ngày càng cao hơn trong sản xuất cũng như trong gia đình, làng bản. Chế độ phụ hệ dần dần thay thế chế độ mẫu hệ.

Những người già, những người có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có sức khoẻ được bầu làm người quản lí làng bản. Mặc dù mọi người đều bình đẳng, nhưng khi có việc cần, người quản lí có quyền chỉ huy, sai bảo và được chia phần thu hoạch lớn hơn. Ngoài ra, khi lương thực, của cải đã dư thừa, các gia đình cũng thu nhập khác nhau. Ở các di chỉ thời này, người ta phát hiện nhiều ngôi mộ không có của cải chôn theo, song lại có vài ngôi mộ được chôn theo công cụ, đồ trang sức.

Em nghĩ gì về sự khác nhau giữa các ngôi mộ này ?

3. Bước phát triển mới về xã hội được nảy sinh như thế nào ?

Sự phát triển của nông nghiệp trên các vùng đồng bằng ven sông lớn cùng với sự phân công lao động đã đẩy nhanh sự phát triển xã hội, kinh tế. Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ I TCN, trên đất nước ta đã hình thành những nền văn hoá phát triển cao như Óc Eo (An Giang) ở Tây Nam Bộ - cơ sở của nước Phù Nam sau này, Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) ở Nam Trung Bộ - cơ sở của nước Cham-pa và tập trung hơn là văn hoá Đông Sơn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Vào thời văn hoá Đông Sơn, công cụ sản xuất, đồ đựng, đồ trang sức đều phát triển hơn trước. Đồ đồng gần như thay thế đồ đá. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy

Hình 31 - Mũi giáo đồng Đông Sơn

Hình 32 - Dao găm đồng Đông Sơn

Hình 33 - Lưỡi cày đồng

Hình 34 - Lưỡi liềm đồng

hàng loạt công cụ, vũ khí đồng như lưỡi cày, lưỡi rìu, lưỡi giáo, mũi tên ... có hình dáng và trang trí hoa văn giống nhau ở nhiều nơi trên đất Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, nhất là ở vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Cả.

Theo em, những công cụ nào góp phần tạo nên bước biến chuyển trong xã hội ?

Sử cũ gọi chung cư dân thuộc văn hoá Đông Sơn là người Lạc Việt. Cuộc sống của con người đã có phần ổn định.

CÂU HỎI

1. Em hãy điểm lại các biến chuyển chính về mặt xã hội.
2. Hãy nêu những nét mới về tình hình kinh tế, xã hội của cư dân Lạc Việt.
3. Hãy nêu những dẫn chứng nói lên trình độ phát triển của nền sản xuất thời văn hoá Đông Sơn.

Bài 12

NƯỚC VĂN LANG

1. Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ?

Vào khoảng các thế kỉ VIII - VII TCN, ở vùng đồng bằng ven các sông lớn thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, đã dần dần hình thành những bộ lạc lớn, gần gũi nhau về tiếng nói và phương thức hoạt động kinh tế. Sản xuất phát triển. Trong các chiềng, chạ, một số người giàu lên, được bầu làm người đứng đầu để trông coi mọi việc ; một số ít nghèo khổ, phải rơi vào cảnh nô tì. Mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo đã nảy sinh và ngày càng tăng thêm.

Việc mở rộng nghề nông trồng lúa nước ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn gặp nhiều khó khăn.

Theo em, truyện* Sơn Tinh - Thuỷ Tinh *nói lên hoạt động gì của nhân dân hồi đó ?

Vì vậy, cần phải có người chỉ huy đứng ra tập hợp nhân dân các làng bản chống lại lụt lội, bảo vệ mùa màng.

Đất đai ở các vùng không giống nhau nên cuộc sống của người dân cũng khác nhau.

Sự xuất hiện của nhiều loại vũ khí (hình 31, 32) nói lên điều gì ?

Hãy liên hệ các loại vũ khí ấy với truyện Thánh Gióng[1].

Các làng bản có giao lưu với nhau nhưng cũng có xung đột.

Xung đột không chỉ xảy ra giữa người Lạc Việt với các tộc người khác mà còn giữa các bộ lạc Lạc Việt với nhau. Cần phải giải quyết các cuộc xung đột đó để sống yên ổn hơn. Nhà nước Văn Lang đã ra đời trong hoàn cảnh phức tạp nói trên.

2. Nước Văn Lang thành lập

Bộ lạc Văn Lang, cư trú trên vùng đất ven sông Hồng - từ Ba Vì (Hà Nội) đến Việt Trì (Phú Thọ), là một trong những bộ lạc giàu có và hùng mạnh nhất thời đó. Di chỉ Làng Cả (Việt Trì) cho ta biết đây là một vùng có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đông đúc.

Dựa vào thế mạnh của mình và được sự ủng hộ của các *tù trưởng*[2] bộ lạc khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, *thủ lĩnh*[3] bộ lạc Văn Lang đã hợp nhất các bộ lạc đó lại thành một nước. Sử cũ viết : Vào khoảng thế kỉ VII TCN, ở vùng Gia Ninh (Phú Thọ), có vị thủ lĩnh dùng tài năng khuất phục được các bộ lạc và tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Bạch Hạc (Phú Thọ), đặt tên nước là Văn Lang.

Theo bộ sử khác viết về sự tích Âu Cơ - Lạc Long Quân, thì những người con theo mẹ Âu Cơ lên vùng cao đã tôn người anh cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang.

Nước Văn Lang được thành lập, có nhà nước cai quản chung, do vua Hùng đứng đầu.

3. Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào ?

Sử cũ viết : "Hùng Vương lên ngôi, đặt tên nước là Văn Lang, chia nước làm 15 *bộ*[4], đóng đô ở Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ)". Vua giữ mọi quyền hành trong nước, "các bộ đều *thần thuộc*[5]. Đặt tướng văn là Lạc hầu, tướng võ là Lạc tướng. Con trai vua là Quan lang, con gái vua là Mị nương". "Đời đời cha truyền con nối, đều gọi là Hùng Vương".

---

(1) Theo truyền thuyết, đời vua Hùng thứ 6, giặc Ân xâm lược Văn Lang. Vua Hùng lo lắng, sai sứ đi khắp nơi cầu người hiền tài ra tay đánh giặc. Nghe tiếng mõ rao, Gióng bấy giờ mới 3 tuổi, bỗng cất tiếng xin đi đánh giặc. Giặc tan. Gióng về trời.

(2) *Tù trưởng :* người đứng đầu bộ lạc.

(3) *Thủ lĩnh :* người đứng đầu, chỉ huy một tổ chức chính trị - xã hội hay quân sự.

(4) *Bộ :* đơn vị hành chính trung gian giữa trung ương và làng, chạ.

(5) *Thần thuộc :* chịu sự cai quản của một người hay một nước khác.

Đứng đầu các bộ là Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ là Bồ chính. Trong chiềng, chạ, những người già được tôn trọng, thường giúp Bồ chính giải quyết việc sản xuất, chia phần ruộng cày cấy, giải quyết các mối bất hoà của dân làng.

Nhà nước Văn Lang chưa có luật pháp và quân đội. Khi có chiến tranh, vua Hùng và các Lạc tướng huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng, chạ tập hợp lại, cùng chiến đấu.

Hình 35 - Lăng vua Hùng (Phú Thọ)

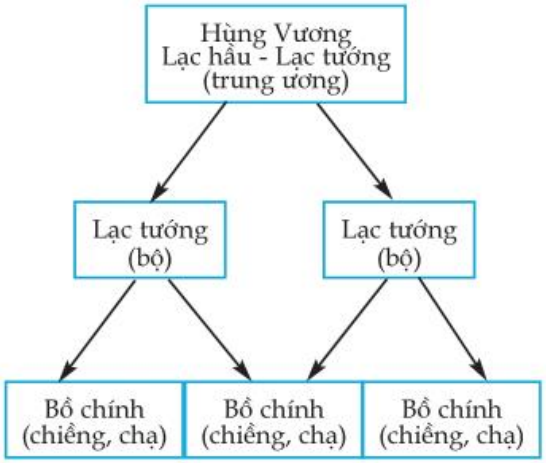

CÂU HỎI

1. Những lí do ra đời của nhà nước thời Hùng Vương là gì ?
2. Em có nhận xét gì về tổ chức của nhà nước đầu tiên này ?

DANH NGÔN

Các vua Hùng đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.

Hồ Chí Minh

Bài 13

ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CƯ DÂN VĂN LANG

1. Nông nghiệp và các nghề thủ công

Văn Lang là một nước nông nghiệp. Ở mỗi vùng, tuỳ theo đất đai, người Lạc Việt có cách gieo cấy trên ruộng đồng hay trên nương rẫy của mình.

Qua các hình ở bài 11, em hãy trình bày người dân Văn Lang xới đất để gieo, cấy bằng công cụ gì ?

Thóc lúa đã trở thành lương thực chính của cư dân Văn Lang ; ngoài ra, họ còn biết trồng thêm khoai, đậu, cà, bầu, bí, chuối, cam... và trồng dâu, chăn tằm. Nghề đánh cá, nuôi gia súc đều phát triển.

Các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt vải, lụa, xây nhà, đóng thuyền được chuyên môn hoá.

Hình 36 - Thạp đồng Đào Thịnh (Yên Bái)

Qua các hình 36, 37, 38, em nhận thấy nghề nào được phát triển thời bấy giờ ?

Nghề luyện kim được chuyên môn hoá cao. Ngoài việc đúc lưỡi cày, vũ khí ..., người thợ thủ công còn đúc những trống đồng, thạp đồng. Điều đó vừa thể hiện trình độ kĩ thuật, vừa là vật tiêu biểu cho nền văn hoá của người Lạc Việt. Họ cũng bắt đầu biết rèn sắt.

Theo em, việc tìm thấy trống đồng ở nhiều nơi trên đất nước ta và ở cả nước ngoài đã thể hiện điều gì ?

Hình 37 - Trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam)

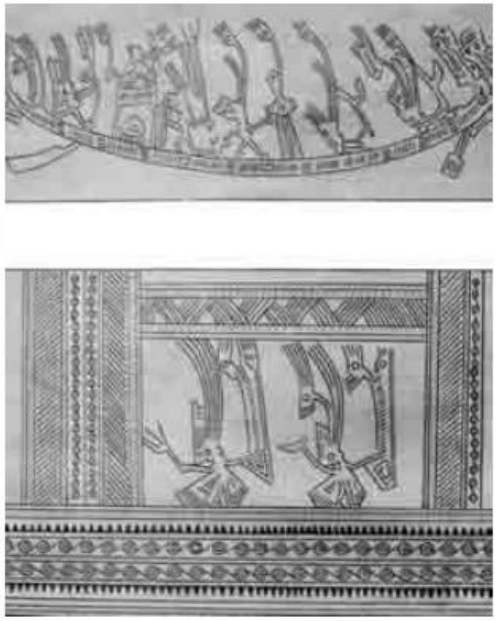

Hình 38 - Hình trang trí trên trống đồng

2. Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang ra sao ?

Nhà ở phổ biến là nhà sàn mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mui thuyền, làm bằng gỗ, tre, nứa, lá, có cầu thang tre (hay gỗ) để lên xuống.

Làng, chạ thường gồm vài chục gia đình, sống quây quần ở ven đồi hoặc ở vùng đất cao ven sông, ven biển. Ở một vài làng, chạ, người ta đã biết dùng tre rào quanh làng để ngăn thú dữ. Việc đi lại giữa các làng, chạ chủ yếu bằng thuyền.

Thức ăn chính hằng ngày là cơm nếp, cơm tẻ, rau, cà, thịt, cá. Trong bữa ăn, người ta đã biết dùng mâm, bát, muôi. Họ còn biết làm muối, mắm cá và dùng gừng làm gia vị.

Ngày thường, nam thì đóng khố, mình trần, đi chân đất ; còn nữ thì mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực. Mái tóc có nhiều kiểu : hoặc cắt ngắn bỏ xoã, hoặc búi tó, hoặc tết đuôi sam thả sau lưng. Ngày lễ, họ thích đeo các đồ trang sức như vòng tay, hạt chuỗi, khuyên tai. Phụ nữ mặc váy xoè kết bằng lông chim, đội mũ cắm lông chim hay bông lau.

3. Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang có gì mới ?

Xã hội thời Văn Lang đã chia thành nhiều tầng lớp khác nhau : những người quyền quý, dân tự do, nô tì. Tuy vậy, sự phân biệt giữa các tầng lớp này còn chưa sâu sắc.

Sau những ngày lao động mệt nhọc, người dân Văn Lang thường tổ chức lễ hội, vui chơi. Một số hình ảnh về lễ hội đã được ghi lại trên mặt trống đồng. Trai, gái ăn mặc đẹp, nhảy múa, hát ca trong tiếng trống, tiếng khèn, tiếng chiêng náo nức, rộn ràng. Họ còn tổ chức đua thuyền, giã gạo. Trong ngày hội, thường vang lên tiếng trống đồng để thể hiện điều mong muốn được "mưa thuận, gió hoà", mùa màng tươi tốt, sinh đẻ nhiều, làm ăn yên ổn.

Các truyện* Trầu, cau *và* Bánh chưng, bánh giầy *cho ta biết người thời Văn Lang đã có những tục gì ?

Về tín ngưỡng, người Lạc Việt thờ cúng các lực lượng tự nhiên như núi, sông, Mặt Trời, Mặt Trăng, đất, nước. Người chết được chôn cất trong thạp, bình, trong mộ thuyền, mộ cây kèm theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.

Người thời Văn Lang đã có khiếu thẩm mĩ khá cao.

Đời sống vật chất và tinh thần đặc sắc nói trên đã hoà quyện nhau lại trong con người Lạc Việt đương thời, tạo nên *tình cảm cộng đồng*[1] sâu sắc.

CÂU HỎI

1. Em hãy điểm lại những nét chính trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang qua nơi ở, ăn mặc, phong tục, lễ hội, tín ngưỡng.
2. Em hãy mô tả các trống đồng thời Văn Lang.
3. Những yếu tố nào tạo nên tình cảm cộng đồng của cư dân Văn Lang ?

(1) *Tình cảm cộng đồng :* tình cảm gắn bó với nhau giữa những người sống lâu trong một vùng.

Bài 14

NƯỚC ÂU LẠC

1. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần đã diễn ra như thế nào ?

Vào cuối thế kỉ III TCN - đời vua Hùng thứ 18, đất nước Văn Lang không còn yên bình như trước nữa. "Vua không lo sửa sang võ bị, chỉ ham ăn uống vui chơi. Lụt lội xảy ra, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn".

Giữa lúc đó, ở phương Bắc, nhà Tần thống nhất *Trung nguyên*(1). Năm 218 TCN, vua Tần sai quân đánh xuống phương Nam để mở rộng bờ cõi. Sau 4 năm chinh chiến, quân Tần kéo đến vùng Bắc Văn Lang, nơi người Lạc Việt cùng sống với người Tây Âu (hay Âu Việt), vốn có quan hệ gần gũi với nhau từ lâu đời. Cuộc kháng chiến bùng nổ. Người thủ lĩnh Tây Âu bị giết nhưng nhân dân Tây Âu - Lạc Việt không chịu đầu hàng. Sử cũ Trung Quốc chép: "Người Việt trốn vào rừng, không ai chịu để quân Tần bắt... Rồi họ đặt người kiệt tuấn lên làm tướng, ngày ở yên, đêm đến ra đánh quân Tần".

Người kiệt tuấn đó là Thục Phán.

Cuộc chiến đấu kiên cường, quyết liệt của cư dân Tây Âu - Lạc Việt đã làm quân Tần như "đóng binh ở đất vô dụng, tiến không được, thoái không xong". Sáu năm sau, "người Việt đã đại phá quân Tần, giết được Hiệu uý Đồ Thư". Nhà Tần phải hạ lệnh bãi binh.

Em nghĩ sao về tinh thần chiến đấu của người Tây Âu - Lạc Việt ?

2. Nước Âu Lạc ra đời

Kháng chiến thắng lợi vẻ vang. Thục Phán, nhân đó, năm 207 TCN đã buộc vua Hùng phải nhường ngôi cho mình. Hai vùng đất cũ của người Tây Âu và Lạc Việt được hợp thành một nước mới có tên là Âu Lạc.

Vì sao Thục Phán đặt tên nước là Âu Lạc ?

Thục Phán tự xưng là An Dương Vương, tổ chức lại nhà nước, đóng đô ở Phong Khê (nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh - Hà Nội).

---

(1) *Trung nguyên :* khu vực trung tâm của đất nước, ở đây là Trung Quốc.

Bấy giờ Phong Khê đã là một vùng đất đông dân, nằm ở trung tâm đất nước, vừa gần sông Hồng, vừa có sông Hoàng chảy qua. Sông Hoàng nhỏ nhưng lại là đường nối với sông Hồng ở mạn Nam và nối với sông Cầu ở mạn Bắc.

Bộ máy nhà nước thời An Dương Vương không có gì thay đổi so với trước. Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương, nắm giữ mọi quyền hành chính. Giúp việc cho vua có các Lạc hầu, Lạc tướng. Cả nước được chia thành nhiều bộ, do Lạc tướng đứng đầu. Các làng, chạ vẫn do Bồ chính cai quản. Tuy nhiên, sau nhiều thế kỉ độc lập thời Hùng Vương, quyền hành của nhà nước đã cao hơn và chặt chẽ hơn trước. Vua có quyền thế hơn trong việc trị nước.

Vẽ sơ đồ nhà nước thời An Dương Vương.

Hình 39 - Lưỡi cày đồng Cổ Loa

Hình 40 - Mũi tên đồng Cổ Loa

3. Đất nước thời Âu Lạc có gì thay đổi ?

Sau nhiều thế kỉ phát triển, đất nước cuối thời Hùng Vương và đầu thời Âu Lạc đã có những tiến bộ đáng kể. Trong nông nghiệp, lưỡi cày đồng được cải tiến và được dùng phổ biến hơn. Lúa gạo, khoai, đậu, rau, củ... ngày một nhiều hơn. Chăn nuôi, đánh cá, săn bắn đều phát triển.

Các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt, làm đồ trang sức, đóng thuyền... đều tiến bộ. Ngành xây dựng và luyện kim đặc biệt phát triển. Giáo, mác, mũi tên đồng, rìu đồng, cuốc sắt, rìu sắt được sản xuất ngày càng nhiều.

Theo em, tại sao có sự tiến bộ này ?

Dân số tăng lên. Sự phân biệt giữa tầng lớp thống trị và nhân dân cũng sâu sắc hơn.

CÂU HỎI

1. Cuộc kháng chiến của nhân dân Tây Âu - Lạc Việt chống quân xâm lược Tần đã diễn ra như thế nào ?
2. Nhà nước Âu Lạc được thành lập trong hoàn cảnh nào ?

Bài 15

NƯỚC ÂU LẠC

(tiếp theo)

4. Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng

An Dương Vương cho xây dựng ở Phong Khê một khu thành đất lớn mà người sau gọi là Loa thành hay thành Cổ Loa.

Sử cũ chép: "Thành rộng hơn nghìn trượng như hình trôn ốc nên gọi là Loa thành".

Thành có ba vòng khép kín với tổng chiều dài chu vi khoảng 16.000 m. Chiều cao của thành khoảng từ 5 - 10 m, mặt thành rộng trung bình 10 m, chân thành rộng từ 10 - 20 m.

Các thành đều có hào bao quanh, rộng từ 10 - 30 m. Các hào thông nhau, vừa nối với một đầm lớn (Đầm Cả) ở giữa thành Trung và thành Ngoại, vừa nối với sông Hoàng.

Bên trong thành Nội là những khu nhà ở và làm việc của gia đình An Dương Vương và các Lạc hầu, Lạc tướng.

Em có nhận xét gì về việc xây dựng công trình thành Cổ Loa vào thế kỉ III - II TCN ở nước Âu Lạc ?

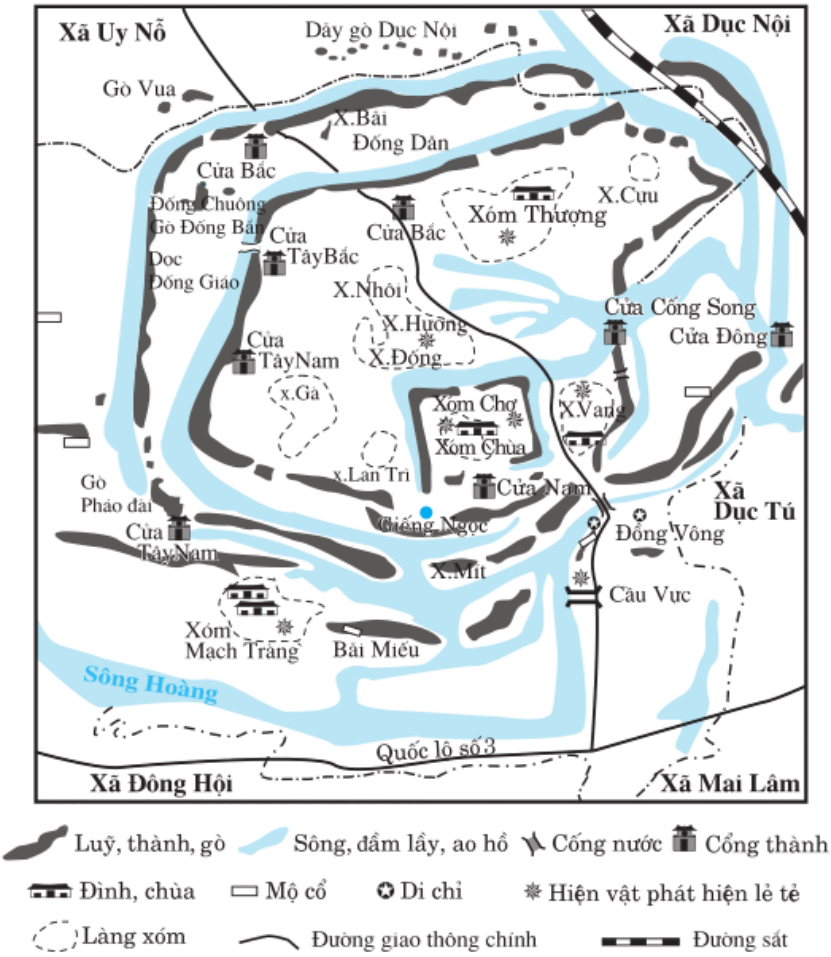

Hình 41- Sơ đồ khu di tích thành Cổ Loa

Cổ Loa còn là một *quân thành*[1]. Ở đây có một lực lượng quân đội lớn gồm bộ binh và thuỷ binh được trang bị các vũ khí bằng đồng như giáo, rìu chiến, dao găm và đặc biệt là nỏ. Các nhà khảo cổ đã phát hiện được ở phía nam thành (Cầu Vực) một hố mũi tên đồng gồm hàng vạn chiếc. Đầm Cả là nơi tập trung các thuyền chiến vừa luyện tập, vừa sẵn sàng chiến đấu.

Em thử nêu những điểm giống và khác nhau của nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc ?

(1) *Quân thành :* khu thành quân sự, phục vụ chiến đấu.

5. Nhà nước Âu Lạc sụp đổ trong hoàn cảnh nào ?

Đất nước Âu Lạc yên ổn chưa được bao lâu thì xảy ra cuộc xâm lược của Triệu Đà.

Triệu Đà là một tướng của nhà Tần, được giao cai quản các quận giáp phía bắc Âu Lạc (tương ứng với Quảng Đông, Quảng Tây thuộc Trung Quốc ngày nay). Năm 207 TCN, nhân lúc nhà Tần suy yếu, Triệu Đà đã cắt đất ba quận, lập thành nước Nam Việt, sau đó đem quân đi đánh các vùng xung quanh và đánh xuống Âu Lạc. Quân dân Âu Lạc, với vũ khí tốt và tinh thần chiến đấu dũng cảm, đã đánh bại các cuộc tấn công của quân Triệu, giữ vững nền độc lập của đất nước. Triệu Đà, biết không thể đánh bại được quân ta, bèn vờ xin hoà và dùng mưu kế chia rẽ nội bộ nước ta.

Theo em, truyện* Mỵ Châu - Trọng Thuỷ *nói lên điều gì ?

Năm 179 TCN, sau khi đã chia rẽ được nội bộ nhà nước Âu Lạc, khiến các tướng giỏi như Cao Lỗ, Nồi Hầu phải bỏ về quê, Triệu Đà lại sai quân đánh Âu Lạc. An Dương Vương do không đề phòng, lại mất hết tướng giỏi, nên bị thất bại nhanh chóng. Âu Lạc rơi vào ách đô hộ của nhà Triệu.

Theo em, sự thất bại của An Dương Vương để lại cho đời sau bài học gì ?

Hình 42 - Đền thờ An Dương Vương tại thành Cổ Loa (Hà Nội)

CÂU HỎI

1. Em hãy mô tả thành Cổ Loa.
2. Dựa vào tư liệu lịch sử và truyền thuyết, em hãy trình bày nguyên nhân thất bại của An Dương Vương trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà.

Ai về qua huyện Đông Anh,
Ghé xem phong cảnh Loa thành Thục Vương.
Cổ Loa thành ốc khác thường,
Trải bao năm tháng dấu thành còn đây.

Ca dao

Bài 16

ÔN TẬP CHƯƠNG I VÀ II

Chúng ta vừa học xong thời kì lịch sử từ khi xuất hiện những người đầu tiên trên đất nước ta đến thời dựng nước Văn Lang - Âu Lạc.

Em hãy điểm lại :

1. Dấu tích của sự xuất hiện những người đầu tiên trên đất nước ta ? Thời gian ? Địa điểm ?

2. Xã hội nguyên thuỷ Việt Nam trải qua những giai đoạn nào ?

- Địa điểm (hay nền văn hoá)
- Thời gian
- Tư liệu chính dùng để phân định

3. Những điều kiện dẫn đến sự ra đời của nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc.

- Vùng cư trú
- Cơ sở kinh tế
- Các quan hệ xã hội

4. Những công trình văn hoá tiêu biểu của thời Văn Lang - Âu Lạc.

Tóm lại, thời Văn Lang - Âu Lạc đã để lại cho chúng ta :

- *Tổ quốc*
- *Thuật luyện kim*
- *Nông nghiệp lúa nước*
- *Phong tục, tập quán riêng*
- *Bài học đầu tiên về công cuộc giữ nước.*

Chương III

THỜI KÌ BẮC THUỘC VÀ ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

Bài 17

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG (năm 40)

1. Nước Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ I có gì đổi thay ?

Năm 179 TCN, Triệu Đà sáp nhập đất đai Âu Lạc vào Nam Việt, chia Âu Lạc thành hai *quận*(1) Giao Chỉ và Cửu Chân.

Năm 111 TCN, nhà Hán chiếm Âu Lạc và chia lại thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (bao gồm Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đến Quảng Nam ngày nay), gộp với 6 quận của Trung Quốc thành *châu*(2) Giao. Thủ phủ của châu Giao được đặt ở Luy Lâu (Thuận Thành - Bắc Ninh). Đứng đầu châu là Thứ sử, đứng đầu mỗi quận là Thái thú coi việc chính trị, Đô uý coi việc quân sự. Những viên quan này đều là người Hán. Dưới quận là huyện, các Lạc tướng vẫn trị dân như cũ.

Nhà Hán đã gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc thành châu Giao nhằm âm mưu gì ? Em có nhận xét gì về cách đặt quan lại cai trị của nhà Hán ?

Nhân dân châu Giao, ngoài việc phải nộp các loại thuế, nhất là thuế muối, thuế sắt..., hằng năm phải lên rừng, xuống biển tìm kiếm những sản vật quý như ngà voi, sừng tê, ngọc trai, đồi mồi... để cống nạp cho nhà Hán. Nhà Hán lại đưa người Hán sang ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân và bắt dân ta phải theo phong tục của họ.

Năm 34, Tô Định được cử sang làm Thái thú quận Giao Chỉ. Tên này ra sức đàn áp và vơ vét của cải của dân ta, khiến cho dân ta càng thêm khổ cực.

Nhân dân châu Giao bị nhà Hán bóc lột như thế nào? Nhà Hán đưa người Hán sang ở châu Giao nhằm mục đích gì ?

---

(1) *Quận :* đơn vị hành chính thời Bắc thuộc gồm nhiều huyện (như tỉnh ngày nay).

(2) *Châu :* đơn vị hành chính trên cấp quận.

2. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ

Bấy giờ ở huyện Mê Linh (vùng đất từ Ba Vì đến Tam Đảo, nay thuộc Hà Nội, Vĩnh Phúc), có hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị là con gái Lạc tướng thuộc dòng dõi Hùng Vương. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Chu Diên (vùng Đan Phượng và Từ Liêm - Hà Nội).

Hai gia đình Lạc tướng cùng nhau mưu việc lớn. Họ bí mật tìm cách liên kết với các thủ lĩnh ở mọi miền đất nước để chuẩn bị nổi dậy. Không may, Thi Sách bị quân Hán giết.

Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn (Hà Nội). Tương truyền, ngày xuất quân, bà Trưng Trắc đã đọc lời thề, sau này được viết thành 4 câu thơ :

"Một xin rửa sạch nước thù,
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng,
Ba kẻo oan ức lòng chồng,
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này."

(Thiên Nam ngữ lục, áng sử ca dân gian thế kỉ XVII)

Qua 4 câu thơ trên, em hãy cho biết mục tiêu của cuộc khởi nghĩa.

Theo truyền thuyết, nghe tin Hai Bà Trưng nổi dậy, Nguyễn Tam Trinh (Mai Động - Hà Nội) đã dẫn 5.000 nghĩa binh, nàng Quốc (Hoàng Xá - Gia Lâm) dẫn hơn 2.000 tráng sĩ, ông Cai (Thanh Oai - Hà Nội) với đội nữ binh hơn 3.000 người, bà Vĩnh Huy (Cổ Châu - Bắc Ninh) với hơn 1.000 tráng đinh, bà Lê Chân (Hải Phòng), bà Thánh Thiên (Bắc Ninh), bà Lê Thị Hoa (Thanh Hoá)... cùng kéo về Mê Linh.

Theo em, việc khắp nơi đều kéo quân về Mê Linh nói lên điều gì ?

Nghĩa quân nhanh chóng đánh bại kẻ thù, làm chủ Mê Linh ; rồi từ Mê Linh, tiến đánh Cổ Loa và Luy Lâu. Tô Định hoảng hốt phải bỏ thành, cắt tóc, cạo râu, lẻn trốn về Nam Hải (Quảng Đông - Trung Quốc). Quân Hán ở các quận khác cũng bị đánh tan.

Cuộc khởi nghĩa đã giành được thắng lợi.

Hình 43 - Lược đồ : Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

> *"Trưng Trắc, Trưng Nhị là phụ nữ, hô một tiếng mà các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương."*
>
> Lê Văn Hưu
> (Nhà sử học thế kỉ XIII)

CÂU HỎI

1. Đất nước và nhân dân Âu Lạc dưới thời thuộc Hán có gì thay đổi ?
2. Em có suy nghĩ gì về lời nhận xét của Lê Văn Hưu ?

Bài 18

TRƯNG VƯƠNG VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC HÁN

1. Hai Bà Trưng đã làm gì sau khi giành lại được độc lập ?

Sau khi đánh đuổi được quân đô hộ, Trưng Trắc được suy tôn làm vua (Trưng Vương), đóng đô ở Mê Linh và phong chức tước cho những người có công, thành lập chính quyền tự chủ.

Các Lạc tướng được giữ quyền cai quản các huyện. Trưng Vương xá thuế hai năm liền cho dân. Luật pháp hà khắc cùng các thứ lao dịch nặng nề của chính quyền đô hộ bị bãi bỏ.

Được tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa, vua Hán nổi giận, hạ lệnh cho các quận miền Nam Trung Quốc khẩn trương chuẩn bị xe, thuyền, làm thêm đường sá, tích trữ lương thực để sang đàn áp nghĩa quân.

2. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán (42 - 43) đã diễn ra như thế nào ?

Mã Viện là một viên tướng đã từng chinh chiến ở phương Nam, được vua Hán phong làm Phục ba tướng quân, chỉ huy đạo quân xâm lược gồm hai vạn *quân tinh nhuệ*[1], hai nghìn xe, thuyền các loại và nhiều dân phu. Tháng 4 năm 42, quân Hán tấn công Hợp Phố. Quân ta ở Hợp Phố đã anh dũng chống trả rồi rút lui.

Vì sao Mã Viện lại được chọn làm chỉ huy đạo quân xâm lược ?

Mã Viện chiếm được Hợp Phố, liền chia quân thành hai đạo thuỷ, bộ tiến vào Giao Chỉ. *Đạo quân bộ* men theo bờ biển, dẫn cây mở đường mà đi, chúng lẻn qua Quỷ Môn Quan (Tiên Yên - Quảng Ninh), xuống vùng Lục Đầu. *Đạo quân thuỷ*

(1) *Quân tinh nhuệ* : quân được huấn luyện và tổ chức chu đáo, chiến đấu giỏi.

Hình 44 - Lược đồ : Kháng chiến chống quân xâm lược Hán

từ Hợp Phố vượt biển vào sông Bạch Đằng, rồi ngược lên vùng Lục Đầu. Tại đây, hai cánh quân thuỷ, bộ hợp lại ở Lãng Bạc.

Hai Bà Trưng kéo quân đến vùng Lãng Bạc để nghênh chiến. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt.

Lãng Bạc nằm ở phía đông Cổ Loa (gần Chí Linh - Hải Dương). Đây là một miền đồi đất cao, xung quanh là vùng đồng sâu, hồ nước mênh mông.

Mã Viện, sau này nhớ lại, vẫn kinh hoàng về vùng Lãng Bạc : "Dưới nước lụt, trên mây mù, khí độc bốc lên ngùn ngụt, ngẩng trông lên thấy chim diều hâu đang bay đã bị sà rớt xuống nước chết". Một viên tướng là Bình Lạc hầu Hàn Vũ đã chết ở đây.

Quân ta lùi về giữ Cổ Loa và Mê Linh. Mã Viện truy đuổi ráo riết, quân ta phải rút về Cấm Khê (thuộc vùng Ba Vì - Hà Nội). Tại đây, quân ta ra sức cản địch, giữ từng xóm làng, tấc đất. Cuối cùng, tháng 3 năm 43 (ngày 6 tháng Hai âm lịch), Hai Bà Trưng đã hi sinh oanh liệt trên đất Cấm Khê.

Sau khi Hai Bà Trưng hi sinh, cuộc kháng chiến vẫn tiếp tục đến tháng 11 năm 43. Mùa thu năm 44, Mã Viện thu quân trở về Trung Quốc. Quân đi mười phần, khi về chỉ còn bốn, năm phần.

Hình 45 - Đền thờ Hai Bà Trưng ở huyện Mê Linh (Hà Nội)

CÂU HỎI

1. Trình bày diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.
2. Việc nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng và các vị tướng ở khắp nơi đã nói lên điều gì ?

Bài 19

TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÝ NAM ĐẾ (Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI)

1. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI

Sau khi đàn áp được cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán vẫn giữ nguyên châu Giao.

Đầu thế kỉ III, nhà Đông Hán suy yếu. Trung Quốc bị chia thành ba nước Ngụy - Thục - Ngô (Tam quốc). Nhà Ngô tách châu Giao thành Quảng Châu (thuộc Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ).

Em hãy cho biết miền đất Âu Lạc trước đây bao gồm những quận nào của châu Giao ?

Từ sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán đưa người Hán sang thay người Việt làm *Huyện lệnh*[1], trực tiếp cai quản các huyện.

Em có nhận xét gì về sự thay đổi này ?

Trong thời gian này, nhân dân Giao Châu vẫn phải chịu nhiều thứ thuế (nhất là thuế muối, thuế sắt), lao dịch và nộp cống (các sản vật quý, sản phẩm thủ công và cả thợ khéo).

Thứ sử Tôn Tư bắt hàng nghìn thợ thủ công sang xây dựng kinh đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh).

Cuối thế kỉ II, Thứ sử [2]*Giao Châu là Giả Tông hỏi tại sao dân hay "phản loạn", dân trả lời : "Phú liễm*[3] *quá nặng, trăm họ xác xơ". Giả Tông phải tạm thời "tha miễn các khoản lao dịch"* (Hậu Hán thư).

Sử nhà Đông Hán cũng phải thừa nhận: "Ở đất Giao Chỉ...thứ sử trước sau phần lớn không thanh liêm, trên thì bợ đỡ kẻ quyền quý, dưới thì thu vét của cải của dân, đến khi đầy túi liền xin đổi về nước."

Em có nhận xét gì về chính sách bóc lột của bọn đô hộ ?

Thế lực phong kiến phương Bắc tiếp tục tăng cường đưa người Hán sang Giao Châu, buộc dân ta phải học chữ Hán và tiếng Hán, tuân theo luật pháp và phong tục tập quán của người Hán.

Vì sao nhà Hán tiếp tục thi hành chủ trương đưa người Hán sang ở nước ta ?

2. Tình hình kinh tế nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI có gì thay đổi ?

Chính quyền đô hộ Hán nắm độc quyền về sắt và đặt các chức quan để kiểm soát gắt gao việc khai thác, chế tạo và mua bán đồ sắt.

Vì sao nhà Hán giữ độc quyền về sắt ?

Mặc dù bị hạn chế, nhưng nghề rèn sắt ở Giao Châu vẫn phát triển.

---

(1) *Huyện lệnh :* chức quan cai quản một huyện thời Hán đô hộ.
(2) *Thứ sử :* chức quan cai quản một châu thời Bắc thuộc.
(3) *Phú liễm :* chỉ thuế má và các thứ phải cống nạp cho bọn đô hộ.

Trong các di chỉ, mộ cổ thuộc thế kỉ I - VI, chúng ta đã tìm được nhiều đồ sắt. Về công cụ, có rìu, mai, cuốc, dao... ; về vũ khí, có kiếm, giáo, kích, lao...; về dụng cụ, có nồi gang, chân đèn và rất nhiều đinh sắt... Đến thế kỉ III, nhân dân ven biển đã dùng lưới sắt để khai thác san hô. Ở miền Nam, người dân còn biết bịt cựa gà chọi bằng sắt.

Từ thế kỉ I, ở Giao Châu, việc cày, bừa do trâu, bò kéo đã phổ biến.

Theo *Giao Châu kí*, ở huyện Phong Khê (miền Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Đông Anh - Hà Nội) có đê phòng lụt. Sử cũ cũng nói Giao Châu có nhiều kênh, ngòi. Người ta đã biết trồng hai vụ lúa trong một năm : vụ chiêm và vụ mùa, lúa rất tốt.

Nông thôn Giao Châu có đủ loại cây trồng và chăn nuôi rất phong phú. Sách *Nam phương thảo mộc trạng* nói đến một kĩ thuật trồng cam rất đặc biệt của người châu Giao : để chống sâu bọ châm đục thân cây cam, người ta nuôi loại kiến vàng, cho làm tổ ngay trên cành cam... ; đó là kĩ thuật "dùng côn trùng diệt côn trùng".

Em hãy cho biết những chi tiết nào chứng tỏ nền nông nghiệp Giao Châu vẫn phát triển ?

Bên cạnh nghề rèn sắt, nghề gốm cổ truyền cũng rất phát triển. Người ta đã biết tráng men và vẽ trang trí trên đồ gốm rồi mới đem nung. Sản phẩm đồ gốm ngày càng phong phú về chủng loại, như nồi, vò, bình, bát, đĩa, ấm chén, gạch, ngói..., đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và xây dựng nhà cửa.

Cùng với các loại vải bông, vải gai, vải tơ..., người ta còn dùng tơ tre, tơ chuối để dệt thành vải. Vải tơ chuối là đặc sản của miền đất Âu Lạc cũ, các nhà sử học gọi là "vải Giao Chỉ".

Các sản phẩm nông nghiệp và hàng thủ công không bị sung làm đồ cống nạp mà được đem trao đổi ở các chợ làng. Ở những nơi tập trung đông dân cư như Luy Lâu, Long Biên..., có cả người Trung Quốc, Gia-va, Ấn Độ... đến trao đổi buôn bán. Chính quyền đô hộ giữ độc quyền ngoại thương.

CÂU HỎI

1. Trong các thế kỉ I - VI, chế độ cai trị của các triều đại phương Bắc đối với nước ta có gì thay đổi ?
2. Những biểu hiện mới trong nông nghiệp thời kì này là gì ?
3. Hãy trình bày những biểu hiện về sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp nước ta trong thời kì này.

Bài 20

TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÝ NAM ĐẾ

(Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI)

(tiếp theo)

3. Những biến chuyển về xã hội và văn hoá nước ta ở các thế kỉ I - VI

<table>
<tr><th>THỜI VĂN LANG - ÂU LẠC</th><th colspan="2">THỜI KÌ BỊ ĐÔ HỘ</th></tr>
<tr><td>Vua</td><td colspan="2">Quan lại đô hộ</td></tr>
<tr><td>Quý tộc</td><td>Hào trưởng Việt</td><td>Địa chủ Hán</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nông dân công xã</td><td colspan="2">Nông dân công xã</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nông dân lệ thuộc</td></tr>
<tr><td>Nô tì</td><td colspan="2">Nô tì</td></tr>
</table>

Sơ đồ phân hoá xã hội
(so sánh)

Quan sát sơ đồ, em có nhận xét gì về sự biến chuyển xã hội ở nước ta ?

Chính quyền đô hộ mở một số trường học dạy chữ Hán tại các quận. Cùng với việc dạy học, Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo và những luật lệ, phong tục của người Hán cũng được du nhập vào nước ta.

** Nho giáo hay Khổng giáo, do Khổng Tử (thế kỉ VI - V TCN) lập ra ở Trung Quốc. Theo Nho giáo, mọi người phải coi vua là "Thiên tử" (con trời) và có quyền quyết định tất cả.*

** Đạo giáo, do Lão Tử sáng lập ở Trung Quốc, cùng thời với Khổng giáo, khuyên người ta sống theo số phận, không làm việc gì trái với tự nhiên.*

** Phật giáo ra đời ở Ấn Độ cùng thời với Nho giáo, khuyên mọi người hãy thương yêu nhau, làm điều lành, tránh điều ác...*

Theo em, việc chính quyền đô hộ mở một số trường học ở nước ta nhằm mục đích gì ?

Nhân dân ta ở trong các làng xã vẫn sử dụng tiếng nói của tổ tiên và sinh hoạt theo nếp sống riêng với những phong tục cổ truyền như xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu, làm bánh giầy, bánh chưng...

Trải qua nhiều thế kỉ tiếp xúc và giao dịch, nhân dân ta đã học được chữ Hán nhưng vận dụng theo cách đọc của mình.

Vì sao người Việt vẫn giữ được phong tục, tập quán và tiếng nói của tổ tiên ?

4. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248)

Không cam chịu bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhân dân ta đã nổi dậy ở nhiều nơi. Thái thú Giao Chỉ là Tiết Tổng đã phải tâu lên vua : " Giao Chỉ...đất rộng, người nhiều, hiểm trở độc hại, dân xứ ấy rất dễ làm loạn, rất khó cai trị".

Lời tâu của Tiết Tổng nói lên điều gì ?

Giữa thế kỉ III, ở quận Cửu Chân đã nổi lên cuộc khởi nghĩa lớn của Bà Triệu.

Bà Triệu có tên là Triệu Thị Trinh, là em gái Triệu Quốc Đạt - một hào trưởng lớn ở miền núi huyện Quan Yên, thuộc quận Cửu Chân (huyện Yên Định, Thanh Hoá). Bà là người có sức khoẻ, có chí lớn và giàu mưu trí. Năm 19 tuổi, bà đã cùng anh trai tập hợp nhiều nghĩa sĩ trên đỉnh núi Nưa, mài gươm luyện võ, chuẩn bị khởi nghĩa.

Có người khuyên bà lấy chồng, bà khảng khái đáp: "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người !".

Qua câu nói này, em hiểu Bà Triệu là người như thế nào ?

Năm 248, cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Từ căn cứ Phú Điền (Hậu Lộc - Thanh Hoá), Bà Triệu lãnh đạo nghĩa quân đánh phá các thành ấp của bọn quan lại nhà Ngô ở quận Cửu Chân, rồi từ đó đánh ra khắp Giao Châu.

Sử nhà Ngô chép : "Năm 248, toàn thể Giao Châu đều chấn động".

Khi ra trận, Bà Triệu thường mặc áo giáp, cài trâm vàng, đi guốc ngà, cưỡi voi, trông rất oai phong lẫm liệt.

Em có nhận xét gì về cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu ?

Được tin, nhà Ngô vội cử viên tướng Lục Dận đem 6.000 quân sang Giao Châu. Lục Dận huy động thêm lực lượng lớn vừa đánh, vừa mua chuộc, chia rẽ nghĩa quân. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền - Hậu Lộc - Thanh Hoá). Ở đây, hiện nay còn lăng mộ và đền thờ Bà.

Ru con con ngủ cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi Bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cồng.
Túi gấm cho lẫn túi hồng,
Têm trầu cánh kiến cho chồng ra quân.

Ca dao

CÂU HỎI

1. Những nét mới về văn hoá nước ta trong các thế kỉ I - VI là gì ?
2. Em hãy trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.

Hình 46 - Lăng Bà Triệu ở núi Tùng (Thanh Hoá)

Bài 21

KHỞI NGHĨA LÝ BÍ. NƯỚC VẠN XUÂN (542 - 602)

1. Nhà Lương siết chặt ách đô hộ như thế nào ?

Đầu thế kỉ VI, nhà Lương đô hộ Giao Châu.

Chính quyền đô hộ chia lại nước ta thành : Giao Châu (đồng bằng và trung du Bắc Bộ), Ái Châu (Thanh Hoá), Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu (Nghệ An - Hà Tĩnh) và Hoàng Châu (Quảng Ninh).

Nhà Lương chủ trương chỉ có *tôn thất*(1) nhà Lương và một số dòng họ lớn mới được giao những chức vụ quan trọng.

Tinh Thiều là người nước ta, vốn học giỏi, văn hay, sang kinh đô nhà Lương xin làm quan. Viên Thượng thư (2) *nhà Lương bảo : "Họ Tinh không phải là vọng tộc*(3)*" và chỉ cho Thiều giữ chức "gác cổng thành". Tinh Thiều bất bình, bỏ về quê.*

Thứ sử Giao Châu bấy giờ là Tiêu Tư đã đặt ra hàng trăm thứ thuế : người nào trồng cây dâu cao một thước (khoảng 40 cm) đều phải nộp thuế, bán vợ đợ con cũng phải nộp thuế... Sử sách Trung Quốc thú nhận : Tiêu Tư "tàn bạo mất lòng dân".

Em có nhận xét gì về chính sách cai trị của nhà Lương đối với Giao Châu ?

2. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân thành lập

Lý Bí (còn gọi là Lý Bôn), quê ở Thái Bình (mạn bắc Sơn Tây). Tổ tiên ông là người Trung Quốc nhưng sang nước ta lập nghiệp từ lâu. Ông được cử giữ chức chỉ huy quân đội ở Đức Châu (nam Nghệ An - Hà Tĩnh). Một thời gian ngắn sau, vì căm ghét bọn đô hộ, ông đã từ quan về quê, ngấm ngầm liên lạc với các hào kiệt trong vùng để chuẩn bị nổi dậy.

Mùa xuân năm 542, Lý Bí phất cờ khởi nghĩa, hào kiệt khắp nơi kéo về hưởng ứng. Ở vùng Chu Diên có Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục, ở Thanh Trì (Hà Nội) có Phạm Tu, ở Thái Bình(4) có Tinh Thiều...

---

(1) *Tôn thất* (hay tông thất) : người cùng họ với vua.

(2) *Thượng thư :* chức quan đứng đầu một bộ, như Bộ trưởng ngày nay.

(3) *Vọng tộc :* dòng họ có danh tiếng, quyền thế.

(4) Tỉnh Thái Bình ngày nay.

Vì sao hào kiệt và nhân dân khắp nơi hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lý Bí ?

Trong vòng chưa đầy ba tháng, nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận, huyện. Tiêu Tư hoảng sợ, vội bỏ thành Long Biên (nay thuộc Bắc Ninh) chạy về Trung Quốc.

Tháng 4 năm 542, nhà Lương huy động quân từ Quảng Châu sang đàn áp. Nghĩa quân chủ động kéo quân lên phía bắc và đánh bại quân Lương, giải phóng thêm Hoàng Châu (Quảng Ninh).

Đầu năm 543, nhà Lương tổ chức cuộc tấn công đàn áp lần thứ hai. Quân ta chủ động đón đánh địch ở Hợp Phố. Quân Lương mười phần chết đến bảy, tám phần. Tướng địch bị giết gần hết.

Hình 47 - Lược đồ : Khởi nghĩa Lý Bí

Em có nhận xét gì về tinh thần chiến đấu của quân khởi nghĩa ?

Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.

Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng kinh đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), đặt *niên hiệu*[1] là Thiên Đức (đức trời); thành lập triều đình với hai ban văn, võ. Triệu Túc giúp vua cai quản mọi việc. Tinh Thiều đứng đầu ban văn. Phạm Tu đứng đầu ban võ.

CÂU HỎI

1. Vì sao khởi nghĩa Lý Bí giành được thắng lợi ?
2. Lý Bí đã làm gì sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ?
3. Em có suy nghĩ gì về việc đặt tên nước là Vạn Xuân ?

Bài 22

KHỞI NGHĨA LÝ BÍ. NƯỚC VẠN XUÂN (542 - 602)

(tiếp theo)

3. Chống quân Lương xâm lược

Tháng 5 năm 545, vua Lương cử Dương Phiêu làm Thứ sử Giao Châu, cùng với tướng Trần Bá Tiên chỉ huy một đạo quân lớn theo hai đường thuỷ, bộ tiến xuống Vạn Xuân.

Lý Nam Đế chống cự không nổi, phải lui quân về giữ thành ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội). Thành bị vỡ, lão tướng Phạm Tu tử trận. Lý Nam Đế phải đem quân ngược sông Hồng về giữ thành Gia Ninh (Việt Trì - Phú Thọ). Đầu năm 546, quân Lương chiếm được thành Gia Ninh, Lý Nam Đế phải chạy đến miền núi Phú Thọ ; sau đó lại đem quân ra đóng ở hồ Điển Triệt.

---

(1) *Niên hiệu :* tên hiệu của vua đang cầm quyền, dùng để ghi trên sổ sách, giấy tờ và xác định thời gian.

Hồ Điển Triệt (nay thuộc Lập Thạch - Vĩnh Phúc) nằm ở bên bờ sông Lô, cách Bạch Hạc khoảng 15 km. Xưa có con ngòi nối sông với hồ ; ba mặt đông, nam, bắc của hồ là các dải đồi cao ; phía tây là những đồi thấp hơn và cánh đồng trũng. Từ sông Lô chỉ có một con đường đi vào phía bắc của hồ.

Vào một đêm trời mưa to, gió lớn, Trần Bá Tiên chỉ huy đoàn quân đánh úp vào hồ Điển Triệt. Quân ta tan vỡ, Lý Nam Đế lại phải chạy vào động Khuất Lão (Tam Nông - Phú Thọ). Anh trai vua là Lý Thiên Bảo cùng Lý Phật Tử (một người trong họ và là tướng của Lý Nam Đế) đem một cánh quân lui về Thanh Hoá. Năm 548, Lý Nam Đế mất.

Theo em, thất bại của Lý Nam Đế có phải là sự sụp đổ của nước Vạn Xuân không ? Tại sao ?

4. Triệu Quang Phục đánh bại quân Lương như thế nào ?

Triệu Quang Phục (con của Triệu Túc) là người có công lớn trong cuộc khởi nghĩa và được Lý Bí rất tin cậy. Sau thất bại ở hồ Điển Triệt, ông được Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Lương.

Triệu Quang Phục quyết định lui quân về vùng Dạ Trạch (Hưng Yên).

Dạ Trạch là một vùng đồng lầy rộng mênh mông, lau sậy um tùm. Ở giữa có một bãi đất cao khô ráo, có thể ở được. Đường vào bãi rất kín đáo, khó khăn, chỉ có thể dùng thuyền nhỏ, chống sào lướt nhẹ trên đám cỏ nước, theo mấy con lạch nhỏ mới tới được. Theo sử cũ, Triệu Quang Phục đã bí mật đem quân đóng trên bãi nổi. Ban ngày, nghĩa quân tắt hết khói lửa, im hơi lặng tiếng như không có người. Đêm đến, nghĩa quân chèo thuyền ra đánh úp trại giặc, cướp vũ khí, lương thực.

Theo em, vì sao Triệu Quang Phục lại chọn Dạ Trạch làm căn cứ kháng chiến và phát triển lực lượng ?

Về sau, nhân dân thường gọi ông là Dạ Trạch Vương.

Quân Lương tăng cường lực lượng bao vây Dạ Trạch và cố sức tấn công. Nghĩa quân anh dũng chống trả. Tình thế giằng co kéo dài. Đến năm 550, nhà Lương có loạn, Trần Bá Tiên phải bỏ về nước. Chớp thời cơ đó, nghĩa quân Triệu Quang Phục phản công đánh tan quân xâm lược, chiếm được Long Biên. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

Em hãy nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược do Triệu Quang Phục lãnh đạo.

5. Nước Vạn Xuân độc lập đã kết thúc như thế nào ?

Sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục lên ngôi vua (Triệu Việt Vương), tổ chức lại chính quyền. 20 năm sau, Lý Phật Tử từ phía nam kéo quân về cướp ngôi. Lý Phật Tử lên làm vua, sử cũ gọi là Hậu Lý Nam Đế.

Vua Tuỳ đòi Lý Phật Tử phải sang chầu, nhưng Lý Phật Tử thoái thác không đi.

Vì sao nhà Tuỳ lại yêu cầu Lý Phật Tử sang chầu ? Vì sao Lý Phật Tử không sang ?

Lý Phật Tử cho tăng thêm quân ở những thành trọng yếu như Long Biên (Bắc Ninh), Ô Diên (Hà Nội), còn mình thì cầm quân giữ thành ở Cổ Loa (Hà Nội).

Năm 603, mười vạn quân Tuỳ tấn công Vạn Xuân. Lý Phật Tử bị vây hãm ở Cổ Loa, rồi bị bắt giải về Trung Quốc.

CÂU HỎI

1. Cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược đã diễn ra như thế nào ?
2. Triệu Quang Phục là ai ? Vì sao ông đánh bại được quân Lương, giành lại độc lập cho đất nước ?

Bài 23

NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN TRONG CÁC THẾ KỈ VII - IX

1. Dưới ách đô hộ của nhà Đường, nước ta có gì thay đổi ?

Năm 618, nhà Đường được thành lập ở Trung Quốc. Nước ta lại chịu sự thống trị của nhà Đường. Năm 679, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ. Các châu, huyện do người Trung Quốc cai trị, dưới huyện là hương và xã vẫn do người Việt tự cai quản.

Ở miền núi, các châu vẫn do các tù trưởng địa phương cai quản. Trụ sở của phủ đô hộ đặt ở Tống Bình (Hà Nội).

Nhà Đường cho sửa sang các đường giao thông thuỷ, bộ từ Trung Quốc sang Tống Bình và từ Tống Bình tới các quận, huyện. Ở Tống Bình và một số quận, huyện quan trọng, nhà Đường cho xây thành, đắp luỹ và tăng thêm số quân đồn trú...

Em có nhận xét gì về tình hình nước ta dưới ách thống trị của nhà Đường ?

Ngoài thuế ruộng đất, nhà Đường đặt ra nhiều thứ thuế như thuế muối, thuế sắt, thuế đay, gai, tơ lụa... Hằng năm, nhân dân ta phải cống nạp những sản vật quý hiếm như ngọc trai, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, trầm hương, vàng, bạc...

Theo em, chính sách bóc lột của nhà Đường có gì khác với các thời trước ?

Hình 48 - Lược đồ : Nước ta thời thuộc Đường thế kỉ VII - IX

2. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (đầu thế kỉ VIII)

Mai Thúc Loan người làng Mai Phụ (còn có tên là Kẻ Mỏm), một làng chuyên làm muối ở cửa biển Thạch Hà (huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh). Dân cư ở đây phần lớn mang họ Mai. Sau, mẹ ông đưa con sang sống ở Ngọc Trừng (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Ngay từ nhỏ, Mai Thúc Loan đã phải kiếm củi, chăn trâu, cày ruộng cho nhà giàu. Ông rất khôi ngô, tuấn tú.

Khoảng đầu những năm 10 của thế kỉ VIII, nhân phải tham gia đoàn dân phu gánh sản vật cống nộp, Mai Thúc Loan đã kêu gọi những người dân phu bỏ về quê, mộ binh nổi dậy.

Ở Nghệ An, nay còn truyền lại một bài hát chầu văn kể tội bọn đô hộ nhà Đường :

"Nhớ khi nội thuộc Đường triều
Giang sơn, cố quốc nhiều điều ghê gai.
Sâu quả vải vì ai vạch lá
Ngựa hồng trần kể đã héo hon...".

Hình 49 - Lược đồ : Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

Vì sao Mai Thúc Loan kêu gọi mọi người khởi nghĩa ?

Nghĩa quân nhanh chóng chiếm thành Hoan Châu. Nhân dân Ái Châu, Diễn Châu nổi dậy hưởng ứng. Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn) để xây dựng căn cứ. Sau đó ông xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế (Vua Đen), xây dựng thành Vạn An làm quốc đô.

Mai Hắc Đế liên kết với nhân dân khắp Giao Châu và cả nhân dân Lâm Ấp, Chân lạp,... kéo quân tấn công thành Tống Bình. Viên đô hộ Giao Châu là Quang Sở Khách phải chạy về Trung Quốc. Nền độc lập, tự chủ của dân tộc được duy trì trong gần một thập kỉ (713 - 722).

Năm 722, nhà Đường cử Dương Tư Húc đem 10 vạn quân sang đàn áp. Mai Hắc Đế thua trận. Quân giặc điên cuồng tàn sát nghĩa quân và nhân dân.

Hiện nay, ở trên núi Vệ và trong thung lũng Hùng Sơn vẫn còn đền thờ Mai Hắc Đế.

3. Khởi nghĩa Phùng Hưng (trong khoảng 776 - 791)

Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội) là quê của Phùng Hưng. Họ Phùng nối đời làm thủ lĩnh gọi là *quan lang*(1). Năm Phùng Hưng 18 tuổi, cha mẹ qua đời. Ông đã nối nghiệp cha làm quan lang ở Đường Lâm. Là người rất khoẻ, có sức vật nổi trâu, đánh được hổ, Phùng Hưng lại giàu lòng thương người, hay giúp đỡ người nghèo khổ. Nhân dân trong vùng ai cũng mến phục.

Khoảng năm 776, Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải đã họp quân khởi nghĩa ở Đường Lâm. Nhân dân các vùng xung quanh nổi dậy hưởng ứng và giành được quyền làm chủ vùng đất của mình.

Theo em, vì sao cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng được mọi người hưởng ứng ?

Ít lâu sau, Phùng Hưng kéo quân về bao vây phủ thành Tống Bình. *Viên đô hộ*(2) là Cao Chính Bình phải rút vào thành cố thủ, rồi sinh bệnh chết. Phùng Hưng chiếm được thành, sắp đặt việc cai trị.

Phùng Hưng mất, con trai là Phùng An nối nghiệp cha. Năm 791, nhà Đường đem đại quân sang đàn áp, Phùng An ra hàng.

Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã đem lại kết quả như thế nào ?

---

(1) *Quan lang :* người đứng đầu một vùng gồm nhiều bản, làng ở miền núi.

(2) *Viên đô hộ :* chức quan đứng đầu phủ đô hộ.

Hình 50 - Đình thờ Phùng Hưng ở Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội)

CÂU HỎI

1. Nước ta thời thuộc Đường có gì thay đổi ?
2. Trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan.
3. Nêu tóm tắt diễn biến của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.

Bài 24

NƯỚC CHAM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

1. Nước Cham-pa độc lập ra đời

Thời Hán, sau khi chiếm được Giao Chỉ và Cửu Chân, quân Hán đánh xuống phía nam chiếm cả đất của người Chăm cổ, sáp nhập vào Nhật Nam, đặt ra huyện Tượng Lâm.

Quận Nhật Nam (từ Hoành Sơn trở vào) gồm năm huyện. Huyện xa nhất là Tượng Lâm (nay thuộc đất Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), là địa bàn sinh sống của bộ lạc Dừa - tức người Chăm cổ, thuộc nền văn hoá đồng thau Sa Huỳnh khá phát triển.

Vào thế kỉ II, nhân dân Giao Châu nhiều lần nổi dậy. Nhà Hán tỏ ra bất lực, nhất là đối với các quận xa. Năm 192 - 193, nhân dân Tượng Lâm dưới sự lãnh đạo của Khu Liên đã nổi dậy giành độc lập. Khu Liên tự xưng làm vua, đặt tên nước là Lâm Ấp.

Nhân dân Tượng Lâm đã giành được độc lập trong hoàn cảnh nào ?

Quốc gia Lâm Ấp có lực lượng quân sự khá mạnh (đạo quân thường trực gồm 4 - 5 vạn người). Các vua Lâm Ấp đã hợp nhất bộ lạc Dừa với bộ lạc Cau ở phía nam, tấn công các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ - về phía bắc đến Hoành Sơn (huyện Tây Quyển), phía nam đến Phan Rang, rồi đổi tên nước là Cham-pa (sử sách Trung Quốc gọi là nước Hoàn Vương), đóng đô ở Sin-ha-pu-ra (Trà Kiệu - Quảng Nam).

Em có nhận xét gì về quá trình thành lập và mở rộng nước Cham-pa ?

2. Tình hình kinh tế, văn hoá Cham-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X

Người Chăm biết sử dụng công cụ bằng sắt và dùng trâu, bò kéo cày. Nguồn sống chủ yếu của họ là nông nghiệp trồng lúa nước, mỗi năm hai vụ. Người Chăm còn làm ruộng bậc thang ở sườn đồi, núi. Họ sáng tạo ra xe guồng nước để đưa nước từ sông, suối lên ruộng và từ ruộng thấp lên ruộng cao. Họ còn trồng các loại cây ăn quả (cau, dừa, mít...) và các loại cây khác (bông, gai...). Nghề khai thác lâm thổ sản (trầm hương, ngà voi, sừng tê...), làm đồ gốm khá phát triển. Cư dân sống ven biển, ven sông có nghề đánh cá. Người Chăm thường trao đổi, buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc, Ấn Độ. Một số lái buôn Chăm còn kiêm nghề cướp biển và buôn bán nô lệ.

Hình 51 - Lược đồ : Giao Châu và Cham-pa giữa thế kỉ VI - X

Em hãy nhận xét về trình độ phát triển kinh tế của Cham-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.

Từ thế kỉ IV, người Chăm đã có chữ viết riêng, bắt nguồn từ chữ Phạn của người Ấn Độ.

Nhân dân Chăm theo đạo Bà La Môn và đạo Phật.

Hình 52 - Khu thánh địa Mĩ Sơn (Quảng Nam)

Người Chăm có tục *hoả táng*(1) người chết, bỏ tro vào bình hoặc vò gốm rồi ném xuống sông hay xuống biển. Họ ở nhà sàn và cũng có thói quen ăn trầu cau.

Người Chăm đã sáng tạo ra một nền nghệ thuật đặc sắc, tiêu biểu là các tháp Chăm, đền, tượng, các bức chạm nổi...

Quan sát hình 53, em có nhận xét gì về nghệ thuật kiến trúc của người Chăm ?

Giữa người Chăm với các cư dân Việt ở Nhật Nam, Cửu Chân và Giao Chỉ có mối quan hệ chặt chẽ từ lâu đời. Nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân Tượng Lâm và Nhật Nam được nhân dân Giao Châu ủng hộ. Nhân dân Tượng Lâm và Nhật Nam cũng nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

---

(1) *Hoả táng* : đốt xác người chết thành tro.

Hình 53 - Tháp Chăm (Phan Rang)

CÂU HỎI

1. Nước Cham-pa được thành lập và phát triển như thế nào ?
2. Nêu những thành tựu về văn hoá và kinh tế của Cham-pa.

Bài 25

ÔN TẬP CHƯƠNG III

1. Ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân ta

a) Tại sao sử cũ gọi giai đoạn lịch sử nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X là thời Bắc thuộc ?

b) Trong thời gian Bắc thuộc, nước ta đã bị mất tên, bị chia ra, nhập vào với các quận, huyện của Trung Quốc với những tên gọi khác nhau như thế nào ? Hãy thống kê cụ thể qua từng giai đoạn bị đô hộ.

c) Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân ta trong thời Bắc thuộc như thế nào ? Chính sách thâm hiểm nhất của họ là gì ?

2. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời Bắc thuộc

Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời Bắc thuộc, theo mẫu sau :

SỐ TT	THỜI GIAN	TÊN CUỘC KHỞI NGHĨA	NGƯỜI LÃNH ĐẠO	TÓM TẮT DIỄN BIẾN CHÍNH	Ý NGHĨA

3. Sự biến chuyển về kinh tế và văn hoá xã hội

a) Hãy nêu các biểu hiện cụ thể của những biến chuyển về kinh tế, văn hoá ở nước ta trong thời Bắc thuộc.

b) Theo em, sau hơn một nghìn năm bị đô hộ, tổ tiên chúng ta vẫn giữ được những phong tục, tập quán gì ? Ý nghĩa của điều này ?

Hơn 1000 năm đấu tranh giành lại độc lập, tổ tiên đã để lại cho chúng ta :

- Lòng yêu nước

- Tinh thần đấu tranh bền bỉ vì độc lập của đất nước

- Ý thức vươn lên, bảo vệ nền văn hoá dân tộc.

Chương IV

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ Ở ĐẦU THẾ KỈ X

Bài 26

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH QUYỀN TỰ CHỦ CỦA HỌ KHÚC, HỌ DƯƠNG

1. Khúc Thừa Dụ dựng quyền tự chủ trong hoàn cảnh nào ?

Từ cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra (đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào). Nhà Đường suy yếu. Lợi dụng thời cơ đó, Khúc Thừa Dụ đã tập hợp nhân dân nổi dậy.

Khúc Thừa Dụ quê ở Hồng Châu (Ninh Giang - Hải Dương), thuộc một dòng họ lớn lâu đời. Ông sống khoan hoà, hay thương người, được dân chúng mến phục.

Giữa năm 905, *Tiết độ sứ* (1) An Nam là Độc Cô Tổn bị giáng chức. Khúc Thừa Dụ, được sự ủng hộ của nhân dân, đã đánh chiếm Tống Bình rồi tự xưng là Tiết độ sứ, xây dựng một chính quyền tự chủ.

Đầu năm 906, vua Đường buộc phải phong Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ An Nam đô hộ.

Theo em, việc vua nhà Đường phong Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ có ý nghĩa gì ?

Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ được hai năm thì mất (907), con trai là Khúc Hạo lên thay. Khúc Hạo quyết định xây dựng đất nước tự chủ theo đường lối "Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, nhân dân đều được yên vui". Ông đã làm được nhiều việc lớn : đặt lại các khu vực hành chính, cử người trông coi mọi việc đến tận xã ; xem xét và định lại mức thuế, bãi bỏ các thứ lao dịch của thời Bắc thuộc ; lập lại sổ hộ khẩu...

Những việc làm của Khúc Hạo nhằm mục đích gì ?

---

(1) *Tiết độ sứ :* chức quan cai quản một đơn vị hành chính lớn gồm nhiều châu, quận.

2. Dương Đình Nghệ chống quân xâm lược Nam Hán (930 - 931)

Bấy giờ ở Quảng Châu, có viên Tiết độ sứ là Lưu Ẩn, nhân nhà Đường đổ, đã chiếm thêm được một số châu ở Hoa Nam, liên kết với nước Nam Chiếu (Vân Nam, Trung Quốc), dần dần trở nên cường thịnh. Năm 910, Lưu Ẩn chết, em là Lưu Nham lên thay. Năm 917, được sự ủng hộ của bọn quan lại nhà Đường cũ ở đây, Lưu Nham tự xưng hoàng đế, thành lập nước Nam Hán.

Nhận thấy nhà Nam Hán có ý định xâm lược nước ta, Khúc Hạo gửi con trai mình là Khúc Thừa Mĩ sang làm con tin.

Khúc Hạo gửi con trai mình sang nhà Nam Hán làm con tin nhằm mục đích gì ?

Năm 917, Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mĩ lên thay. Tiếp tục sự nghiệp của cha, Khúc Thừa Mĩ đã cử sứ sang thần phục nhà Hậu Lương và được vua Lương phong cho chức Tiết độ sứ.

Mùa thu năm 930, quân Nam Hán đánh sang nước ta.

Hình 54 - Lược đồ : Kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất (930 - 931)

Khúc Thừa Mĩ chống cự không nổi, bị bắt đem về Quảng Châu. Nhà Nam Hán nhân đó cử Lý Tiến làm Thứ sử Giao Châu, đặt cơ quan đô hộ ở Tống Bình (Hà Nội).

Năm 931, một tướng cũ của Khúc Hạo là Dương Đình Nghệ được tin, đã đem quân từ Thanh Hoá ra Bắc bao vây, tấn công thành Tống Bình.

Dương Đình Nghệ quê ở làng Giàng (Thiệu Dương, Thiệu Hoá, Thanh Hoá), là một hào trưởng(1) *ở Ái Châu (Thanh Hoá). Là người thuộc dòng họ lớn, ông nuôi 3.000 "con nuôi" đều lấy họ Dương.*

Quân Nam Hán lo sợ vội cho người về nước cầu cứu. Viện binh của địch chưa đến nơi thì Dương Đình Nghệ đã chiếm được Tống Bình và chủ động đón đánh quân tiếp viện. Quân tiếp viện của giặc vừa đến đã bị đánh tan tác. Tướng chỉ huy của chúng bị giết tại trận.

Sau khi đánh tan quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng nền tự chủ.

Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

CÂU HỎI

1. Họ Khúc đã giành lại độc lập cho đất nước như thế nào và làm được những gì để củng cố quyền tự chủ ?
2. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất của Dương Đình Nghệ thắng lợi có ý nghĩa gì ?

Bài 27

NGÔ QUYỀN VÀ CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG NĂM 938

1. Ngô Quyền đã chuẩn bị đánh quân xâm lược Nam Hán như thế nào ?

Ngô Quyền (898 - 944), người Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội), cha là Ngô Mân, làm châu mục Đường Lâm.

Ngô Quyền là người có sức khoẻ, chí lớn, mưu cao, mẹo giỏi. Trong cuộc kháng chiến của Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, Ngô Quyền đã từng chiến đấu anh dũng. Là một tướng giỏi lại có nhiều công lao, ông được Dương Đình Nghệ tin yêu và gả con gái cho. Sau khi đánh đuổi được quân Nam Hán, Ngô Quyền được Dương Đình Nghệ phong cho làm Thứ sử, trấn giữ Ái Châu (Thanh Hoá).

---

(1) *Hào trưởng :* người có thế lực lớn nhất ở một vùng miền xuôi.

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị một viên tướng của mình là Kiều Công Tiễn giết chết để đoạt chức. Được tin đó, Ngô Quyền liền kéo quân ra Bắc.

Ngô Quyền kéo quân ra Bắc nhằm mục đích gì ?

Kiều Công Tiễn vội cho người sang cầu cứu nhà Nam Hán. Vua Nam Hán nhân cớ đó, cho quân xâm lược nước ta lần thứ hai.

Vì sao Kiều Công Tiễn cho người cầu cứu nhà Nam Hán ?

Năm 938, vua Nam Hán sai con là Lưu Hoằng Tháo chỉ huy một đạo quân thuỷ sang xâm lược nước ta. Bản thân vua Nam Hán đóng quân ở Hải Môn (Bách Bạch - Quảng Tây - Trung Quốc), sẵn sàng tiếp ứng cho Hoằng Tháo.

Ngô Quyền đã nhanh chóng tiến quân vào thành Đại La (Tống Bình - Hà Nội), bắt giết Kiều Công Tiễn, khẩn trương chuẩn bị chống quân xâm lược.

Dự đoán quân Nam Hán sẽ vào nước ta theo đường sông Bạch Đằng, Ngô Quyền bàn với các tướng cách chống giặc.

Sông Bạch Đằng có tên nôm là sông Rừng, vì hai bờ sông, nhất là phía tả ngạn, toàn là rừng rậm, hải lưu thấp, độ dốc không cao, do vậy ảnh hưởng của thuỷ triều lên, xuống rất mạnh. Mực nước sông lúc triều lên, xuống chênh lệch nhau đến 3m. Khi triều lên, lòng sông rộng mênh mông đến hàng nghìn mét, sâu hơn chục mét.

Ông đã huy động quân và dân lên rừng đẵn hàng ngàn cây gỗ dài, đầu đẽo nhọn và bịt sắt, rồi đem đóng xuống lòng sông Bạch Đằng ở những nơi hiểm yếu, gần cửa biển, xây dựng thành một trận địa cọc ngầm, có quân mai phục hai bên bờ.

Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền chủ động và độc đáo ở điểm nào ?

2. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

Vào cuối năm 938, đoàn thuyền chiến Nam Hán do Lưu Hoằng Tháo chỉ huy kéo vào vùng biển nước ta.

Ngô Quyền cho một toán thuyền nhẹ ra đánh nhử quân Nam Hán vào cửa sông Bạch Đằng lúc nước triều đang lên.

Lưu Hoằng Tháo hăm hở đốc quân đuổi theo, vượt qua bãi cọc ngầm mà không biết.

Nước triều bắt đầu rút. Ngô Quyền hạ lệnh dốc toàn lực lượng đánh quật trở lại. Quân Nam Hán chống không nổi phải rút chạy ra biển.

Đúng lúc nước triều rút nhanh, bãi cọc dần dần nhô lên. Quân ta từ phía thượng lưu đánh mạnh xuống, quân mai phục hai bên bờ đánh tạt ngang. Quân Nam Hán rối loạn, thuyền xô vào bãi cọc nhọn, vỡ tan tành. Số còn lại, vì thuyền to nặng nên không sao thoát khỏi trận địa bãi cọc. Quân ta, với thuyền nhỏ, đã nhẹ nhàng luồn lách, xông vào đánh giáp lá cà rất quyết liệt. Quân địch bỏ thuyền nhảy xuống sông, phần bị giết, phần chết đuối, thiệt hại đến quá nửa. Hoằng Tháo cũng bị thiệt mạng trong đám loạn quân.

Vua Nam Hán, được tin bại trận trên sông Bạch Đằng, con trai là Hoằng Tháo bị chết, đã hốt hoảng, vội hạ lệnh thu quân về nước.

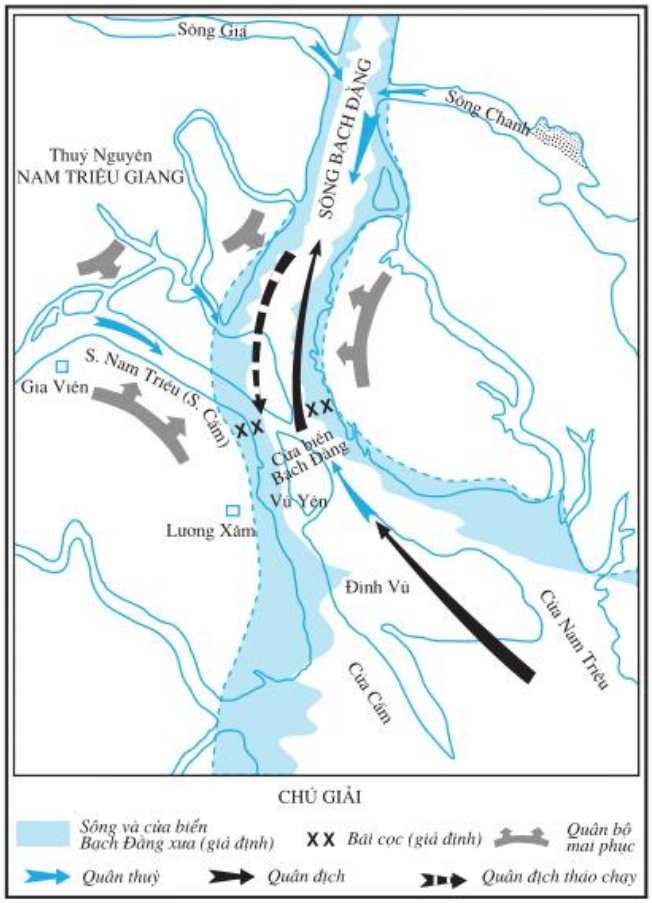

Hình 55 - Lược đồ : Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

Hình 56 - Trận chiến trên sông Bạch Đằng

Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

Vì sao lại nói : trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938 là một chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta ?

Hình 57 - Lăng Ngô Quyền (Đường Lâm - Sơn Tây - Hà Nội)

Ngô Quyền đã có công như thế nào trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai ?

> *"Tiền Ngô vương có thể lấy quân mới nhóm hợp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương làm cho người phương Bắc không dám sang nữa. Có thể bảo là một cơn giận mà yên được dân, mưu cũng giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi hoàng đế và đổi niên hiệu nhưng mà chính thống của nước Việt ngõ hầu đã nối lại được".*
>
> Lê Văn Hưu

CÂU HỎI

1. Tại sao quân Nam Hán lại xâm lược nước ta lần thứ hai ?
2. Trình bày diễn biến của trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng.
3. Nhà sử học Lê Văn Hưu đã đánh giá công lao của Ngô Quyền như thế nào ?

Bài 28

ÔN TẬP

Chúng ta đã học qua lịch sử nước nhà từ nguồn gốc xa xưa đến thế kỉ X.

Hãy cùng nhau ôn lại qua các câu hỏi sau đây :

1. Lịch sử thời kì này đã trải qua những giai đoạn lớn nào ?

2. Thời dựng nước đầu tiên diễn ra vào lúc nào ? Tên nước là gì ? Vị vua đầu tiên là ai ?

Thời dựng nước đầu tiên để lại cho đời sau những gì ?

3. Những cuộc khởi nghĩa lớn trong thời Bắc thuộc. Ý nghĩa lịch sử của những cuộc khởi nghĩa đó.

4. Sự kiện lịch sử nào đã khẳng định thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong sự nghiệp giành lại độc lập cho Tổ quốc ?

5. Hãy kể tên những vị anh hùng đã giương cao lá cờ đấu tranh chống Bắc thuộc, giành độc lập cho Tổ quốc.

6. Hãy mô tả một số công trình nghệ thuật của nước ta thời cổ đại.

Bài tập ở nhà : Lập bảng thống kê những sự kiện lớn đáng ghi nhớ của lịch sử nước ta từ khi dựng nước đến năm 938 (dựa vào bảng thống kê đã có).

THỜI GIAN	SỰ KIỆN	NHÂN VẬT CHÍNH	KẾT QUẢ

NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH TỪ THỜI DỰNG NƯỚC ĐẾN THẾ KỈ X

NĂM	SỰ KIỆN
Thế kỉ VII TCN	Nước Văn Lang thành lập
214 - 208 TCN	Kháng chiến chống quân xâm lược Tần
207 TCN	Nước Âu Lạc của An Dương Vương thành lập
179 TCN	Nước Âu Lạc bị quân Triệu Đà xâm chiếm
40	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ
42 - 43	Kháng chiến của nhân dân ta chống quân xâm lược Hán
192 - 193	Nước Lâm Ấp thành lập
248	Khởi nghĩa Bà Triệu
542	Khởi nghĩa Lý Bí bùng nổ
544	Nước Vạn Xuân thành lập
550	Triệu Quang Phục giành lại độc lập
679	Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ
Đầu thế kỉ VIII	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan
776 - 791	Khởi nghĩa Phùng Hưng
905	Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa giành quyền tự chủ
930 - 931	Kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất
938	Kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ hai và chiến thắng Bạch Đằng lịch sử khẳng định nền độc lập hoàn toàn của đất nước ta

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

B

Bộ (thời Văn Lang - Âu Lạc) : đơn vị hành chính trung gian giữa trung ương và làng, chạ. Bộ thường là một vùng gồm nhiều làng, chạ. Thời Bắc thuộc, bộ được chuyển thành huyện.

Bôn : rìu đá được mài vát một bên, có chuôi tra cán.

C

Châu : đơn vị hành chính trên cấp quận ; thời Bắc thuộc gồm nhiều quận, huyện. Từ thế kỉ VI, châu là một đơn vị hành chính như tỉnh sau này.

Chuyên chế : tự mình quyết định mọi việc, thường dùng để chỉ một chế độ chính trị, trong đó người đứng đầu là vua, quyết định tất cả mọi việc.

Chữ tượng hình : chữ viết đầu tiên của người phương Đông cổ đại, dùng hình giản lược của một vật để làm chữ gọi vật đó hoặc dùng một số đường nét làm chữ để thể hiện một ý nào đó.

Công xã : khu vực có người sinh sống với nhau như làng, xã ngày nay.

D

Di chỉ : nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa.

Đ

Định cư : sinh sống lâu dài ở một nơi nhất định.

Đô hộ (ách, chế độ) : chế độ thống trị của nước xâm lược đối với nước bị xâm lược.

Đô uý, Thái thú : các chức quan cai quản một quận thời Hán.

Đồng hoá (chính sách) : chính sách nhằm làm thay đổi lối sống của một dân tộc khác theo lối sống của dân tộc mình.

H

Hào trưởng : người có thế lực lớn nhất ở một vùng miền xuôi.

Hoa văn : hình vẽ hay in trên đồ vật, công cụ.

Hoả táng : đốt xác người chết thành tro, bỏ vào bình, vò, hộp.

Huyện lệnh : chức quan cai quản một huyện thời Hán đô hộ.

Huyết thống : có cùng dòng máu, họ hàng.

L

Lạc hầu : chức quan phụ trách việc dân ở thời Hùng Vương - An Dương Vương.

Lạc tướng :

- Chức quan phụ trách quân sự ở thời Hùng Vương - An Dương Vương.

- Chức quan đứng đầu một bộ của nước Văn Lang - Âu Lạc.

Lao dịch : lao động nặng nhọc, bắt buộc và không được trả công, theo chế độ của nhà nước hay lệnh của chúa đất.

N

Ngoại thương : buôn bán với người nước ngoài.

Niên hiệu : tên hiệu của vua đang cầm quyền, dùng để ghi trên sổ sách, giấy tờ và xác định thời gian. Mỗi niên hiệu đều tương ứng với những năm, tháng nhất định.

P

Phú liễm : chỉ thuế má và các thứ phải cống nạp cho bọn đô hộ.

Q

Quân thành : khu thành quân sự, phục vụ chiến đấu.

Quận : đơn vị hành chính thời Bắc thuộc, gồm nhiều huyện (như tỉnh ngày nay).

Quý tộc : lớp người giàu có và quyền thế nhất trong giai cấp thống trị thời cổ đại và phong kiến.

S

Sa-mát : vị thần Mặt Trời của Ba-bi-lon cổ.

T

Thần thuộc : chịu sự cai quản của một người hay một nước khác.

Thị tộc mẫu hệ : thị tộc theo dòng họ người mẹ, thường do một phụ nữ lớn tuổi, có uy tín đứng đầu.

Thị tộc phụ hệ : thị tộc theo dòng họ người cha, trong đó nam có quyền hơn nữ.

Thủ lĩnh : người đứng đầu, chỉ huy một tổ chức chính trị - xã hội hay quân sự.

Thuỷ lợi : những công trình ngăn nước, dẫn nước, tưới tiêu cho đồng ruộng.

Thứ sử : chức quan cai quản một châu thời Bắc thuộc.

Thượng thư : chức quan đứng đầu một bộ (cơ quan nhà nước), như Bộ trưởng ngày nay.

Tiết độ sứ : chức quan cai quản một đơn vị hành chính lớn gồm nhiều châu, quận ở vùng biên giới Trung Quốc thời Đường (gọi là phiên trấn). Vào nửa sau thế kỉ IX, chức quan đô hộ An Nam được đổi thành Tiết độ sứ. Người đầu tiên giữ chức này là Cao Biền.

Tinh nhuệ : được huấn luyện và tổ chức chu đáo, chiến đấu giỏi.

Tình cảm cộng đồng : tình cảm gắn bó với nhau giữa những người sống lâu trong một vùng.

Tôn thất (hay tông thất) **:** người cùng họ với vua.

Trung nguyên : khu vực trung tâm của đất nước, ở đây là Trung Quốc.

Tù trưởng : người đứng đầu bộ lạc.

V

Vọng tộc : dòng họ có danh tiếng, quyền thế.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

Bài 1 - Sơ lược về môn Lịch sử *(1 tiết)* 3
Bài 2 - Cách tính thời gian trong lịch sử *(1 tiết)* 5

Phần một

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI

Bài 3 - Xã hội nguyên thuỷ *(1 tiết)* 8
Bài 4 - Các quốc gia cổ đại phương Đông *(1 tiết)* 11
Bài 5 - Các quốc gia cổ đại phương Tây *(1 tiết)* 15
Bài 6 - Văn hoá cổ đại *(1 tiết)* 16
Bài 7 - Ôn tập *(1 tiết)* 21

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỈ X

Chương I

BUỔI ĐẦU LỊCH SỬ NƯỚC TA

Bài 8 - Thời nguyên thuỷ trên đất nước ta *(1 tiết)* 22
Bài 9 - Đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước ta *(1 tiết)* 27

Chương II

THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC : VĂN LANG - ÂU LẠC

Bài 10 - Những chuyển biến trong đời sống kinh tế *(1 tiết)* 30
Bài 11 - Những chuyển biến về xã hội *(1 tiết)* 33
Bài 12 - Nước Văn Lang *(1 tiết)* 35
Bài 13 - Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang *(1 tiết)* 38
Bài 14 - Nước Âu Lạc *(1 tiết)* 41
Bài 15 - Nước Âu Lạc (tiếp theo) *(1 tiết)* 43
Bài 16 - Ôn tập chương I và II *(1 tiết)* 46

Chương III

THỜI KÌ BẮC THUỘC VÀ ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

Bài 17 - Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) *(1 tiết)* 47
Bài 18 - Trưng Vương và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán *(1 tiết)* 50
Bài 19 - Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế (Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI) *(1 tiết)* 52
Bài 20 - Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế (Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI) (tiếp theo) *(1 tiết)* 55
Bài 21 - Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542-602) *(1 tiết)* 58
Bài 22 - Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542-602) (tiếp theo) *(1 tiết)* 60
Bài 23 - Những cuộc khởi nghĩa lớn trong các thế kỉ VII-IX *(1 tiết)* 62
Bài 24 - Nước Cham-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X *(1 tiết)* 66
Bài 25 - Ôn tập chương III *(1 tiết)* 69

Chương IV

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ Ở ĐẦU THẾ KỈ X

Bài 26 - Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương *(1 tiết)* 71
Bài 27 - Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 *(1 tiết)* 73
Bài 28 - Ôn tập *(1 tiết)* 77

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ 79